

**TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

V/v báo cáo tình hình vận hành
lưới điện truyền tải tháng 11/2025

Kính gửi:

- Cục Điện lực;
- Công ty Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia.

Thực hiện quy định của Bộ Công Thương tại Thông tư số 05/2025/TT-BCT ban hành ngày 01/02/2025 về việc “Quy định hệ thống truyền tải điện, phân phối điện và đo đếm điện năng”, Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia kính báo cáo Cục Điện lực, Công ty Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia tình hình vận hành lưới điện truyền tải tháng 11/2025 như phụ lục đính kèm.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- EVN (để b/c);
- TGD (để b/c);
- Các ban: KH, ĐTXD;
- PTC1, 2, 3, 4;
- Lưu: VT, KTAT.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Lưu Việt Tiến

PHỤ LỤC

TÌNH HÌNH VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN TRUYỀN TẢI THÁNG 11/2025

I. TÌNH HÌNH VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN TRUYỀN TẢI

Trong tháng 11/2025, lưới điện truyền tải vận hành an toàn, tin cậy và đảm bảo cung cấp điện. Lưới điện truyền tải xảy ra 5 sự cố (5 sự cố lưới 220kV), giảm 16 sự cố so với tháng 10/2025. Trong đó, xảy ra 02 sự cố do thiết bị nhị thư, 01 sự cố do thiết bị đường dây, 01 sự cố do vi phạm hành lang, 01 sự cố do nguyên nhân khác (vật bay).

II. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHUẨN VẬN HÀNH

1. Vận hành tần số

Trong tháng 11/2025, lưới điện truyền tải không xảy ra sự cố ảnh hưởng đến tần số hệ thống.

2. Vận hành điện áp

Trong tháng 11/2025 điện áp lưới 500kV và 220kV cơ bản đảm bảo vận hành trong giới hạn cho phép, có xuất hiện điện áp cao / thấp như sau:

Lưới điện 500kV xuất hiện điện áp cao tại 9 trạm biến áp (TBA): (i) khu vực miền Bắc xuất hiện tại TBA 500kV Thanh Hóa, Hà Tĩnh và Vũng Áng, điện áp cao nhất 541,6 kV tại TBA 500kV Thanh Hóa lúc 01h00' ngày 03/11/2025; (ii) khu vực miền Trung xuất hiện 01 lần điện áp cao tại TBA 500kV Thanh Mỹ lúc 24h00 ngày 21/11/2025; (iii) khu vực miền Nam xuất hiện tại TBA 500kV Ô Môn, Long Phú, Phú Lâm, Đức Hòa và Phú Mỹ, điện áp cao nhất là 529,6kV tại Long Phú lúc 07h00' ngày 24/11/2025.

Lưới điện 220kV xuất hiện điện áp cao tại TBA 220kV Thanh Hóa, điện áp cao nhất 243,9kV lúc 03h00 ngày 21/11/2025; xuất hiện điện áp thấp tại TBA 220kV Thái Nguyên, điện áp thấp nhất 204,6kV xuất hiện 3 lần lúc 18h00 ngày 04/11/2025.

Hiện EVNNPT đang triển khai các dự án để đảm bảo vận hành điện áp: (i) dự án lắp kháng bù ngang 500kV để tối ưu dung lượng bù sau khi có đường dây 500kV mạch 3, tiến độ hoàn thành dự kiến đầu năm 2026; (ii) dự án lắp bổ sung tụ bù ngang trên lưới điện miền Bắc năm 2025 đã hoàn thành đóng điện 21/21 giàn tụ bù 110kV; (iii) dự án lắp 900MVAR tụ bù ngang lưới điện miền Bắc, hoàn thành trước 30/4/2026; (iv) dự án lắp kháng thanh cái 500kV tại TBA 500kV Thanh Hóa, hiện đã hoàn thành đóng điện thử nghiệm và đang hoàn thiện các thủ tục để đóng điện chính thức cuối tháng 12/2025.

3. Độ tin cậy của lưới điện truyền tải

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu độ tin cậy lưới điện truyền tải (SAIDI-T; SAIDI-T sự cố; SAIFI-T) tháng 11/2025 trong bảng sau:

STT	Đơn vị	Tháng 11	Lũy kế	Kế hoạch năm	Thực hiện kế hoạch (%)
-----	--------	----------	--------	--------------	------------------------

1. SAIDI-T công tác (phút)					
1	EVNNPT	54	542.00	817	66.3
2	PTC1	58	633.00	817	77.5
3	PTC2	8	283.00	817	34.6
4	PTC3	32	133.00	817	16.3
5	PTC4	74	662.00	817	81.0
2. SAIDI-T sự cố (phút)					
1	EVNNPT	1.60	4.76	13.81	34.5
2	PTC1	2.00	4.32	13.81	31.3
3	PTC2	0.00	0.00	13.81	0.0
4	PTC3	5.72	5.96	13.81	43.2
5	PTC4	0.00	6.69	13.81	48.4
3. SAIFI-T (lần)					
1	EVNNPT	0.07	0.69	0.93	74.2
2	PTC1	0.05	0.69	0.93	74.2
3	PTC2	0.02	0.77	0.93	82.8
4	PTC3	0.06	0.32	0.93	34.4
5	PTC4	0.10	0.75	0.93	80.6

4. Tỷ lệ điện dùng để truyền tải của lưới điện truyền tải

Tỷ lệ điện dùng để truyền tải thực hiện tháng 11/2025 là 3,63% (0,753 tỷ kWh) tăng 1,21% so với cùng kỳ 2024 (2,42%), cao hơn 1,23% so với chỉ tiêu kế hoạch (2,40%). Trong đó, Tỷ lệ điện dùng để truyền tải lưới 500kV là 3,65% (0,405 tỷ kWh, tương ứng chiếm tỷ trọng ~ 53,8%) tăng 1,74% so với cùng kỳ 2024 (1,91%), Tỷ lệ điện dùng để truyền tải lưới 220kV là 1,40% (0,347 tỷ kWh, tương ứng chiếm tỷ trọng ~ 46,2%) tăng 0,21% so với cùng kỳ 2024 (1,19%).

III. TÌNH HÌNH QUÁ TẢI, SỰ CỐ THIẾT BỊ VÀ NGUYÊN NHÂN, ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP ĐỂ ĐẢM BẢO VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN AN TOÀN, TIN CẬY VÀ HIỆU QUẢ

1. Tình hình vận hành mang tải

Cấp điện áp	Thiết bị	Tổng số mạch ĐD/MBA	Khu vực	Số mạch ĐD, số MBA/thời gian đầy, quá tải			
				(số thiết bị/giờ)			
				>90-100%	>100-110%	>110%	Tổng
500kV	Đường dây	41	Miền Bắc	1/0.8	0/0.0	0/0.0	1/0.8
		40	Miền Trung	2/62.3.0	0/0.0	0/0.0	2/62.3.0
		46	Miền Nam	1/63.0	1/2.0	0/0.0	1/65.0
	MBA	31	Miền Bắc	9/133.6	4/14.0	2/4	14/551.6
		19	Miền Trung	4/520.0	1/3.0	0/0.0	4/523.0
		23	Miền Nam	2/12.0	1/2.0	0/0.0	2/14.0
220kV	Đường dây	223	Miền Bắc	12/155.0	2/15.0	1/7.0	12/177.0
		154	Miền Trung	10/95.1	1/1.0	0/0.0	10/96.1
		184	Miền Nam	8/38.0	5/5.0	0/0.0	8/43.0
	MBA	168	Miền Bắc	25/247.0	4/85.3	2/3.0	25/335.3
		78	Miền Trung	1/1.0	0/0.0	0/0.0	1/1.0
		122	Miền Nam	15/132.0	2/8.0	0/0.0	15/140.0

a) Khu vực miền Bắc

• *Lưới điện 500kV*

Đường dây:

- 01/41 ĐD vận hành mang tải mức cảnh báo (từ 90% - 100% tải định mức): 580 T500 Sơn La - 574 T500 Hoà Bình.

Máy biến áp:

- 9/31 MBA vận hành mang tải mức cảnh báo (từ 90% - 100% tải định mức) gồm: AT1, AT2 Phố Nối, AT2 Hiệp Hòa do tải cao; AT1, AT2 Hòa Bình; AT1, AT2 Lai Châu; AT1, AT2 Sơn La do thủy điện phát cao.

- 04/31 MBA vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): AT1, AT2 Hòa Bình; AT1, AT2 Lai Châu.

- 02/41 MBA vận hành chế độ khẩn cấp (trên 110% định mức): AT1, AT2 Hòa Bình.

• *Lưới điện 220kV*

Đường dây:

- 12/223 ĐD vận hành mang tải mức cảnh báo (từ 90% - 100% tải định mức) gồm: 277 Yên Bái - 273 Bắc Quang; Yên Bái - Lào Cai 2 mạch; 272 Tuyên Quang - 276 Yên Bái; 274 Hà Giang - 272 TĐ Bắc Mê; 280 TĐ Hoà Bình - 271 Sơn Tây; 271 T 500 Tây Hà Nội - 272 Thành Công; 275 T500 Nho Quan - 272 Phủ Lý; 276 Trảng Bách - 274 Vật Cách; 271, 273 Hủa Na - 272 Bim Sơn; Hưng Đông - 276 Hà Tĩnh 2 mạch do nguồn điện phát cao và phụ tải cao.

- 02/223 ĐD vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): 272 Tuyên Quang - 276 Yên Bái; 276 Trảng Bách - 274 Vật Cách.

- 01/223 ĐD vận hành chế độ khẩn cấp (trên 110% định mức): 276 Trảng Bách - 274 Vật Cách.

Máy biến áp

- 25/168 MBA vận hành tải cao trên 80% và cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức gồm: AT1, AT2 Bắc Giang; AT2, AT3 Bắc Ninh 2; AT1 Bảo Lâm; AT2 Bảo Thắng; AT2 Bim Sơn; AT1, AT2 Đồng Hòa; AT5 Hà Đông; AT2 Lào Cai; AT2 Phủ Lý; AT2 Quang Châu; AT2 Thái Nguyên; AT1, AT2 Than Uyên; AT1, AT2 Thanh Nghị; AT1, AT2 Vật Cách; AT1, AT2 Việt Trì; AT1, AT2 Yên Bái; AT3 Tây Hà Nội do nguồn thủy điện phát cao và phụ tải cao.

- 4/168 MBA vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): AT2 Bảo Thắng; AT2 Lào Cai; AT1, AT2 Than Uyên do nguồn thủy điện phát cao và phụ tải cao.

- 02/168 MBA vận hành chế độ khẩn cấp (từ 110% định mức): AT1, AT2 Than Uyên.

b) Khu vực miền Trung:

- Lưới điện 500kV

Đường dây

- 02/40 ĐD vận hành mang tải mức cảnh báo (từ 90% - 100% tải định mức): 574 Đà Nẵng - 574 Hà Tĩnh; 574 Pleiku 2 - 572 Chơn Thành.

- ĐD vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): không xuất hiện.

Máy biến áp

- 04/19 MBA vận hành mức cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức: AT1, AT2 Thạnh Mỹ; AT1, AT2 Di Linh do nguồn điện phát cao.

- MBA vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): không xuất hiện.

- Lưới điện 220kV

Đường dây

- 10/154 ĐD thường xuyên vận hành mức cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức: (i) lưới PTC2 gồm 272 Sơn Hà - 279 Dốc Sỏi; 273 Đà Nẵng - 272 Hòa Khánh; 273 Thạnh Mỹ 500 - 272 Thạnh Mỹ 220; 275, 276 Đồng Hới - 275 Đông Hà; (ii) lưới PTC3 gồm các ĐD do NLTT và các nhà máy thủy điện phát cao như 271 Đa Nhim - 271 Đức Trọng; 271 Quy Nhơn - 271 Tuy Hòa; 272 Đức Trọng - 276 Di Linh; 273 Đắk Nông (T500) - 271 NMĐG Đắk Hòa; 274 Hàm Thuận - 272 Bảo Lộc; 276 Pleiku 2 - 272 Chư Sê.

- 01/154 ĐD vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): 275, 276 Đồng Hới - 275 Đông Hà.

- ĐD vận hành chế độ khẩn cấp (trên 110% định mức): không xuất hiện.

Máy biến áp

- 01/78 MBA vận hành mức cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức gồm: AT1 Tháp Chàm.

- MBA vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): không xuất hiện.

c) Khu vực miền Nam:

- Lưới điện 500kV

Đường dây

- 01/46 ĐD vận hành mang tải mức cảnh báo (từ 90% - 100% tải định mức): 571, 572 Đắk Nông - 574 Cầu Bông.

- 01/46 ĐD vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): 571, 572 Đắk Nông - 574 Cầu Bông.

- ĐD vận hành chế độ khẩn cấp (trên 110% định mức): không xuất hiện.

Máy biến áp

- 02/23 MBA vận hành mức cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức: AT2 Duyên Hải; AT2 Phú Mỹ do nguồn điện phát cao.

- MBA vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): không xuất hiện.

- *Lưới điện 220kV*

Đường dây

- 8/184 ĐD vận hành mức cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức: Bến Cát - Chơn Thành 2 mạch; Bến Lức (276) - Đức Hòa (276); Chơn Thành - Bình Long 2 mạch; Long Thành - Phú Mỹ 2 mạch; Tân Định (273) - Bình Hòa (273) do tải cao.

- 5/184 ĐD vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): Bến Cát - Chơn Thành 2 mạch; Bến Lức (276) - Đức Hòa (276); Chơn Thành - Bình Long 2 mạch.

- ĐD vận hành chế độ khẩn cấp (trên 110% định mức): không xuất hiện.

Máy biến áp

- 15/122 MBA vận hành tải mức cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức: AT1, AT2 Bến Cát; AT2 Cao Lãnh; AT1, AT2 Đức Hòa; AT1, AT2 Long Bình; AT2 Long Thành; AT2 Mỹ Tho; AT1, AT2 Uyên Hưng; AT3, AT4 Phú Lâm; AT3, AT4 Sông Mây do tải cao.

- 02/122 MBA vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% - 110%) định mức: AT1 Đức Hòa; AT2 Tao Đàn; AT1 Uyên Hưng do tải cao.

Để đảm bảo vận hành, EVNNPT đang triển khai các dự án đầu tư xây dựng mới, dự án nâng cấp, cải tạo theo kế hoạch giao để giảm vận hành đầy quá tải theo kế hoạch EVN giao; phối hợp chặt chẽ với các đơn vị vận hành hệ thống điện để báo cáo, đề xuất các giải pháp về phương thức vận hành để hạn chế đầy tải, quá tải.

2. Sự cố thiết bị

Trong tháng 11/2025, lưới điện truyền tải do EVNNPT quản lý vận hành không xảy ra sự cố dẫn đến hư hỏng thiết bị.

IV. CÁC CHỈ SỐ THỰC HIỆN

1. Thống kê tình trạng quá tải của các thiết bị trên lưới

a. PTC1

Trạm biến áp:

STT	Trạm biến áp	MBA	Ngày	Mức quá tải MAX (%)	Thời gian quá tải (giờ)
1	Trạm 500kV Lai Châu	AT1	01/11/2025	100.77	1.00
2	Trạm 500kV Lai Châu	AT2	01/11/2025	100.07	1.00
3	Trạm 500kV Lai Châu	AT2	05/11/2025	100.07	1.00
4	Trạm 500kV Hiệp Hòa	AT2	06/11/2025	100.12	1.00
5	Trạm 500kV Lai Châu	AT1	10/11/2025	103.46	1.00
6	Trạm 500kV Lai Châu	AT2	10/11/2025	100.07	1.00
7	Trạm 500kV Lai Châu	AT2	19/11/2025	100.07	1.00
8	Trạm 500kV Lai Châu	AT1	19/11/2025	101.92	1.00
9	Trạm 500kV Lai Châu	AT2	19/11/2025	100.07	1.00
10	Trạm 500kV Lai Châu	AT1	19/11/2025	101.92	1.00
11	Trạm 500kV Lai Châu	AT2	19/11/2025	100.07	1.00
12	Trạm 500kV Hòa Bình	AT1	24/11/2025	121.97	1.95
13	Trạm 500kV Hòa Bình	AT2	24/11/2025	121.97	1.95
14	Trạm 500kV Hòa Bình	AT1	24/11/2025	105.08	1.00
15	Trạm 500kV Hòa Bình	AT2	24/11/2025	106.12	1.00
16	Trạm 500kV Hòa Bình	AT1	25/11/2025	101.62	1.00
17	Trạm 500kV Hòa Bình	AT2	25/11/2025	101.96	1.00
18	Trạm 220kV Than Uyên	AT1	04/11/2025	101.11	2.00
19	Trạm 220kV Than Uyên	AT2	04/11/2025	101.11	2.00
20	Trạm 220kV Lào Cai	AT2	05/11/2025	103.92	1.00
21	Trạm 220kV Than Uyên	AT1	05/11/2025	102.03	2.00
22	Trạm 220kV Than Uyên	AT2	05/11/2025	102.03	2.00
23	Trạm 220kV Lào Cai	AT2	05/11/2025	103.85	1.00
24	Trạm 220kV Than Uyên	AT1	06/11/2025	103.60	2.50
25	Trạm 220kV Than Uyên	AT2	06/11/2025	103.45	2.50
26	Trạm 220kV Than Uyên	AT1	08/11/2025	104.52	1.50
27	Trạm 220kV Than Uyên	AT2	08/11/2025	104.52	1.50
28	Trạm 220kV Than Uyên	AT1	08/11/2025	104.27	3.00
29	Trạm 220kV Than Uyên	AT2	08/11/2025	104.27	3.00
30	Trạm 220kV Than Uyên	AT1	11/11/2025	113.74	1.50
31	Trạm 220kV Than Uyên	AT2	11/11/2025	113.74	1.50
32	Trạm 220kV Than Uyên	AT1	12/11/2025	106.00	2.50
33	Trạm 220kV Than Uyên	AT2	12/11/2025	106.00	2.50
34	Trạm 220kV Than Uyên	AT1	13/11/2025	103.30	1.00
35	Trạm 220kV Than Uyên	AT2	13/11/2025	103.29	1.00
36	Trạm 220kV Than Uyên	AT1	13/11/2025	108.42	0.12
37	Trạm 220kV Than Uyên	AT2	13/11/2025	108.42	0.13
38	Trạm 220kV Than Uyên	AT1	15/11/2025	105.12	2.50
39	Trạm 220kV Than Uyên	AT2	15/11/2025	105.12	2.50
40	Trạm 220kV Than Uyên	AT1	15/11/2025	104.48	3.00

41	Trạm 220kV Than Uyên	AT2	15/11/2025	104.48	3.00
42	Trạm 220kV Than Uyên	AT1	17/11/2025	108.37	2.00
43	Trạm 220kV Than Uyên	AT2	17/11/2025	108.49	2.00
44	Trạm 220kV Than Uyên	AT1	17/11/2025	101.33	4.00
45	Trạm 220kV Than Uyên	AT2	17/11/2025	101.33	4.00
46	Trạm 220kV Than Uyên	AT1	18/11/2025	105.37	2.50
47	Trạm 220kV Than Uyên	AT2	18/11/2025	105.51	2.50
48	Trạm 220kV Than Uyên	AT1	18/11/2025	103.92	3.00
49	Trạm 220kV Than Uyên	AT2	18/11/2025	103.77	3.00
50	Trạm 220kV Than Uyên	AT1	21/11/2025	102.96	2.00
51	Trạm 220kV Than Uyên	AT2	21/11/2025	102.96	2.00
52	Trạm 220kV Bảo Thắng	AT2	21/11/2025	103.35	1.00
53	Trạm 220kV Than Uyên	AT1	24/11/2025	104.90	2.50
54	Trạm 220kV Than Uyên	AT2	24/11/2025	104.94	2.50
55	Trạm 220kV Than Uyên	AT1	24/11/2025	102.69	2.50
56	Trạm 220kV Than Uyên	AT2	24/11/2025	102.69	2.50

Đường dây:

STT	Đường dây	Xuất hiện ngày	Mức quá tải %	Thời gian quá tải (giờ)
1	276 Trảng Bách - 274 Vật Cách	03/11/2025	107.18	1.00
2	276 Trảng Bách - 274 Vật Cách	04/11/2025	100.03	1.00
3	276 Trảng Bách - 274 Vật Cách	05/11/2025	101.17	1.00
4	276 Trảng Bách - 274 Vật Cách	06/11/2025	109.50	1.00
5	276 Trảng Bách - 274 Vật Cách	07/11/2025	110.40	1.00
6	276 Trảng Bách - 274 Vật Cách	08/11/2025	110.18	1.00
7	272 Tuyên Quang - 276 Yên Bái	10/11/2025	106.47	1.00
8	276 Trảng Bách - 274 Vật Cách	10/11/2025	110.31	1.00
9	272 Tuyên Quang - 276 Yên Bái	10/11/2025	105.19	1.00
10	276 Trảng Bách - 274 Vật Cách	11/11/2025	112.03	1.00
11	276 Trảng Bách - 274 Vật Cách	11/11/2025	119.33	1.00
12	276 Trảng Bách - 274 Vật Cách	12/11/2025	100.72	1.00
13	276 Trảng Bách - 274 Vật Cách	12/11/2025	101.36	1.00
14	276 Trảng Bách - 274 Vật Cách	12/11/2025	114.42	1.00
15	272 Tuyên Quang - 276 Yên Bái	12/11/2025	106.09	1.00
16	276 Trảng Bách - 274 Vật Cách	13/11/2025	117.55	1.00
17	272 Tuyên Quang - 276 Yên Bái	13/11/2025	104.29	1.00
18	276 Trảng Bách - 274 Vật Cách	14/11/2025	108.29	1.00
19	272 Tuyên Quang - 276 Yên Bái	14/11/2025	102.38	1.00
20	272 Tuyên Quang - 276 Yên Bái	19/11/2025	103.02	1.00
21	272 Tuyên Quang - 276 Yên Bái	19/11/2025	106.60	1.00
22	272 Tuyên Quang - 276 Yên Bái	20/11/2025	100.09	1.00

b. PTC2

Trạm biến áp:

STT	Trạm biến áp	MBA	Ngày	Mức quá tải MAX (%)	Thời gian quá tải (giờ)
1	Trạm 500kV Thanh Mỹ	AT1	04/11/25 22:00	100.36	1

Đường dây:

STT	Đường dây	Xuất hiện ngày	Mức quá tải %	Thời gian quá tải (giờ)
	Không xuất hiện			

c. PTC3

Trạm biến áp:

STT	Trạm biến áp	MBA	Ngày	Mức quá tải MAX (%)	Thời gian quá tải (giờ)
	Không xuất hiện				

Đường dây:

STT	Đường dây	Xuất hiện ngày	Mức quá tải %	Thời gian quá tải (giờ)
	Không xuất hiện			

d. PTC4

Trạm biến áp:

STT	Trạm biến áp	MBA	Ngày	Mức quá tải MAX (%)	Thời gian quá tải (giờ)
1	Trạm 500kV Phú Mỹ	AT2	26/11/25 04:00	103.68	1
2	Trạm 500kV Phú Mỹ	AT2	27/11/25 02:00	100.80	1
3	Trạm 220kV Uyên Hưng	AT1	06/11/25 15:00	106.61	1
4	Trạm 220kV Uyên Hưng	AT1	12/11/25 08:00	101.01	1
5	Trạm 220kV Uyên Hưng	AT1	12/11/25 15:00	104.75	1
6	Trạm 220kV Uyên Hưng	AT1	17/11/25 08:00	104.75	1
7	Trạm 220kV Uyên Hưng	AT1	19/11/25 15:00	101.01	1
8	Trạm 220kV Uyên Hưng	AT1	22/11/25 14:00	101.01	1
9	Trạm 220kV Uyên Hưng	AT1	07/11/25 14:00	101.86	1
10	Trạm 220kV Đức Hòa	AT1	07/11/25 15:00	103.68	1
11	Trạm 220kV Đức Hòa	AT1	06/11/25 15:00	106.61	1

Đường dây:

STT	Đường dây	Xuất hiện ngày	Mức quá tải %	Thời gian quá tải (giờ)
1	571, 572 Đắk Nông - 574 Cầu Bông	04/11/25 12:00	100.58	1
2	571, 572 Đắk Nông - 574 Cầu Bông	07/11/25 13:00	100.6	1
3	273 Chơn Thành - 275 Bình Long	30/11/25 10:00	101.43	1
4	274 Chơn Thành - 276 Bình Long	30/11/25 10:00	102.52	1
5	276 Bến Lức - 276 Đức Hòa	08/11/25 14:00	104.08	1
6	274 Bến Cát - 275 Chơn Thành	05/11/25 13:00	101.85	1
7	273 Bến Cát - 276 Chơn Thành	05/11/25 13:00	101.86	1

2. Thống kê tình hình cắt điện trong lưới điện truyền tải

a. PTC1

Công tác theo kế hoạch

STT	Tên thiết bị, ĐD	Thời gian bắt đầu		Thời gian kết thúc	
		Ngày	Giờ	Ngày	Giờ
1	Tách ĐD 572 Đông Anh (T500ĐA) - 574 Phố Nối (T500PN) (Sáng cắt, chiều trả	18/11	5.00	19/11	17.00

2	Tách ĐD 500kV 576 Phố Nối (T500PN) - 581 Thường Tín (T500TT)	30/11	5.00	30/11	17.00
3	Tách ĐD 574 T500ĐA - 585 T500HH; tách MC 573, 574, TC C54 T500 Đông Anh; tách MC 584, 585 T500 Hiệp Hòa	03/11	6.00	05/11	8.00
4	Tách: MBA AT1, MC530, MC231 (T500TT).	5/11	5.00	5/11	18.00
5	Tách: MBA AT1, MC530, MC231 T500TT; tách bảo vệ AT1 gồm F87T2, F87S cho đến khi kiểm tra mang tải xong. Tách SLTC C51 từ 22h-24h ngày 08/11 để kiểm tra mang tải.	7/11	5.00	8/11	23.00
6	Tách ĐD 581, 582 Nho Quan (T500NQ) - 573 Thường Tín (T500TT); cắt MC 581, 579, 582 T500NQ; 573 T500TT	11/11	9.00	12/11	9.00
7	Tách ĐD 581, 582 Nho Quan (T500NQ) - 573 Thường Tín (T500TT); cắt MC 581, 579, 582 T500NQ; 573 T500TT	14/11	10.00	15/11	10.00
8	Tách MBA AT1, MC572, MC573, MC231 T500NQ	19/11	0.00	19/11	23.59
9	Tách ĐD 574, 564 Nghi Sơn (T500NS) - 573, 574 Nho Quan (T500NQ); tách MC 573, 574, tách TBD504 T500NQ; 574 T500NS	24/11	0.00	25/11	23.59
10	Tách ĐD 584, 564 Nghi Sơn (T500NS) - 571, 572 Nho Quan (T500NQ), tách MC 571, 572, tách TBD501 T500NQ; 584 T500NS	26/11	0.00	27/11	23.59
11	Tách MBA AT2, MC576, MC577, MC232 T500NQ	28/11	6.00	28/11	20.00
12	Tách ĐD 571 Hòa Bình (T500HB) - 577, 578 Nho Quan (T500NQ); cắt MC, 577, 578 T500NQ	29/11	6.00	29/11	20.00
13	Tách MBA AT2, tách MC 532, 530, 222, 220 T500NS (500kV Nghi Sơn)	04/11	8.00	07/11	8.00
14	Tách ngăn lộ 582 T500 Vũng Áng - T1 NMD Vũng Áng II, tách MC 562, 572, 582 T500 Vũng Áng	11/11	7.00	13/11	17.00
15	Tách ngăn lộ 575 T500 Vũng Áng - 572 Quảng Trạch, tách MC 575, 565 T500 Vũng Áng	18/11	7.00	19/11	17.00
16	Tách ĐD 571 T500 Hà Tĩnh - 571 T500 Vũng Áng; tách MC 571, 572 T500 Hà Tĩnh; tách MC 561, 571 T500 Vũng Áng	29/11	6.00	30/11	8.00
17	Tách ĐD 574 T500 Hà Tĩnh - 574 T500 Đà Nẵng; tách TC C52 T500 Hà Tĩnh; tách MC 574, 573, 582 T500 Hà Tĩnh	04/11	6.00	04/11	23.00
18	Tách ĐD 573 T500 Nghi Sơn - 580 Hà Tĩnh; MC 580, 581 T500 Hà	05/11	6.00	05/11	23.00

	Tỉnh; MC 563, 573 T500 Nghi Sơn				
19	Tách ĐD 582 Hà Tĩnh - 572 T500 Nghi Sơn; MC 581, 582 T500 Hà Tĩnh; MC 562, 572 T500 Nghi Sơn	06/11	6.00	06/11	23.00
20	Tách ĐD 572 Quảng Ninh - 573 NĐ Mông Dương; MC 572; 562 T500 Quảng Ninh	27/11	5.00	29/11	17.00
21	Tách ĐD 585 Phố Nối - 571 Thanh Hóa; MC 585; 565; K595; KH595 T500 Phố Nối; MC 561; 571 T500THO	01/11	6.00	01/11	20.00
22	Tách ĐD 586 Phố Nối - 572 Thanh Hóa; MC 586; 566; K596; KH596 T500 Phố Nối; MC 562 T500THO	02/11	6.00	02/11	20.00
23	Tách ĐD 575 Quảng Ninh - 572 Phố Nối; MC 572; 562; K502 T500 Phố Nối; MC 565; 575 T500 Quảng Ninh	03/11	7.00	03/11	20.00
24	Tách ĐD 574 Phố Nối - 572 Đông Anh; MC 571; 572 T500 Đông Anh; MC 574; 564 T500 Phố Nối	04/11	7.00	04/11	20.00
25	Tách MBA AT2; MC 532; 562; 232 T500 Phố Nối.	05/11	22.00	06/11	5.00
26	Tách ĐD 585 Hiệp Hòa - 574 Đông Anh; MC 573; 574 T500 Đông Anh (Khi khôi phục sẽ là ĐD 586 T500HH - 574 T500ĐA)	12/11	6.00	14/11	8.00
27	Tách ĐD 573 Quảng Ninh - 586 Hiệp Hòa; MC 573; 563; K503 T500 Quảng Ninh; MC 585 T500 Hiệp Hòa	12/11	6.00	14/11	23.00
28	Tách ĐD 572 Hiệp Hoà - 571 Việt Trì; MC 571; 572 T500VT; MC 572; 573 T500 Hiệp Hòa (Sáng tách chiều trả).	29/11	5.00	30/11	17.00
29	Tách ĐD 576 Sơn La - 571 Hiệp Hoà; MC 571; 572; K501 T500 Hiệp Hòa; MC 576; 577; K506 T500 Sơn La	24/11	6.00	26/11	8.00
30	Tách ĐD 572 Sơn La - 575 Việt Trì; MC 572; 573; K502 T500 Sơn La; MC 573; 574; K505 T500 Việt Trì	20/11	6.00	22/11	8.00
31	Tách ĐD 580 Sơn La - 574 Hoà Bình; MC 573; 574; K504; TC C54 T500HB; MC 580; 581 T500 Sơn La	16/11	6.00	18/11	18.00
32	Tách ĐD 574 Lai Châu - 575 TĐ Lai châu; MC 573; 574 T500 Lai Châu; TC C54 T500 Lai châu.	19/11	5.00	19/11	17.00
33	Tách ĐD 570 Sơn La - 573 TĐ Lai Châu	26/11	5.00	26/11	17.00
34	Tách ĐD 570 T500SL-573 TĐ Lai Châu; tách DCL 532-4 T500SL	26/11	7.00	27/11	17.00
35	Tách ĐD 579T500SL-573A17.0; tách MC 579; 580T500SL cắt DTĐ 579-76 dùng tiếp địa di	28/11	6.00	30/11	8.00

	động thay thế khi thay DCL 579-7				
36	Tách MBA AT1; MC 530; 531; 231; 341 T500 Sơn La	10/11	6.00	11/11	18.00
37	Tách MBA AT2; MC 530; 532; 232; 342 T500 Sơn La	13/11	6.00	14/11	18.00
38	Tách ĐD 571 Sơn La - 572 Lai Châu; MC 571; 572; K502; KH502 T500 Lai Châu; MC 571; 572; KH501 T500 Sơn La (Sáng tách chiều trả)	23/11	7.00	24/11	17.00
39	Tách ĐD 571 TĐ Sơn La - 578 Sơn La; MC 577; 578 T500 Sơn La (Sáng tách chiều trả)	20/11	5.00	21/11	17.00
40	Tách MBA AT2; MC 572; 573; TC C53 T500 Lai Châu	07/11	20.00	09/11	8.00
41	Tách MBA AT1 T500 Lai Châu	09/11	20.00	11/11	7.00
42	Tách ĐD 286 A80 (NĐ Phả Lại) - 271; 272 E27.6 (220kV Bắc Ninh)	11/11	5.00	11/11	17.00
43	Tách ĐD 174 E5.30 (220kV KCN Hải Hà) - 175 E5.6 (Tiên Yên); MC 174 E5.30	5/11	5.00	5/11	17.00
44	Tách ĐD 175 E5.30 (220kV KCN Hải Hà) - 172 E5.29 (KCN Hải Hà 3); MC 175 E5.30	6/11	5.00	6/11	17.00
45	Tách TC C21; MC 271; 273; MBA AT1 E8.9 (220kV Hải Dương)	25/11	0.00	25/11	9.00
46	Tách ĐD 173 E8.9 (220kV Hải Dương) - 171 E8.14 (Thanh Miện); MC 173 E8.9	26/11	5.00	26/11	16.00
47	Tách ĐD 176 E2.1 (220kV Đồng Hoà) - 174 E2.2 (An Lạc); MC 176 E2.1	26/11	5.00	26/11	16.00
48	Tách MBA AT1; MC 231; 131; 431 E26.5 (220kV Bắc Kạn)	01/11	5.00	04/11	23.00
49	Tách MBA AT2; ngăn lộ 232; 132 E1.19 (220kV Sóc Sơn)	01/11	5.00	01/11	23.50
50	Tách ĐD 271; 272 E25.2 (220kV Vĩnh Yên) - 275 E1.19 (220kV Sóc Sơn); MC 2 đầu ĐD	02/11	5.00	02/11	23.50
51	Tách MBA AT1; ngăn lộ 231; 131 E1.19 (220kV Sóc Sơn)	04/11	5.00	05/11	5.00
52	Tách ĐD 285 A80II (NĐ Phả Lại) - 273 E7.6 (220kV Bắc Giang); MC 273 E7.6 (220kV Bắc Giang)	04/11	5.00	04/11	16.00
53	Tách ĐD 173 E22.4 (220kV Hà Giang) - 174 E22.1 (110kV Hà Giang); ngăn lộ 173 E22.4 (220kV Hà Giang)	05/11	5.00	08/11	5.00
54	Tách ĐD 174 E1.19 (220kV Sóc Sơn) - 171 E6.24 (110kV Đa Phúc); ngăn lộ 174 E1.19 (220kV Sóc Sơn)	06/11	5.00	09/11	5.00
55	Tách ĐD 273 T500 Hiệp Hoà - 271 E6.16 (220kV Phú Bình); MC 2 đầu ĐD	07/11	22.00	08/11	10.00
56	Tách lần lượt TC C21; C22 E6.16 (220kV Phú Bình) - kết hợp khi	07/11	22.00	08/11	7.00

	tách ĐD 220kV 273 T500HH (500kV Hiệp Hòa) - 271 E6.16 (220kV Phú Bình)				
57	Tách ĐD 274 T500 Hiệp Hoà - 272 E6.16 (220kV Phú Bình); MC 2 đầu ĐD	08/11	22.00	09/11	15.00
58	Tách lần lượt TC C21; C22 E6.16 (220kV Phú Bình) - kết hợp khi tách ĐD 220kV 274 T500HH (500kV Hiệp Hòa) - 272 E6.16 (220kV Phú Bình)	08/11	22.00	09/11	7.00
59	Tách ĐD 274 E16.2 (220kV Cao Bằng) - 274 E26.5 (220kV Bắc Kạn); MC 2 đầu ĐD	08/11	5.00	08/11	15.00
60	Tách ĐD 273 E16.5 (220kV Bảo Lâm) - 272 E16.2 (220kV Cao Bằng); MC 2 đầu ĐD	09/11	5.00	09/11	16.00
61	Tách ĐD 171 E22.4 (220kV Hà Giang) - 171 A22.32 (TĐ. Sông Lô 2); Ngăn lộ 171 E22.4 (220kV Hà Giang)	09/11	5.00	09/11	11.00
62	Tách ĐD 172 E22.4 (220kV Hà Giang) - 173 A22.21 (TĐ Nậm Mạ 1); Ngăn lộ 172 E22.4 (220kV Hà Giang)	09/11	13.00	09/11	18.00
63	Tách MBA AT2, MC 232, 132, 432; TC C19 E6.16 (220kV Phú Bình)	13/11	5.00	13/11	17.00
64	Tách ĐD 272 A14.0 (TĐ Tuyên Quang) - 273 E26.5 (220kV Bắc Kạn); MC 273; TC C21 E26.5 (220kV Bắc Kạn)	15/11	5.00	17/11	17.00
65	Tách MBA AT1; ngăn lộ 271; 273; 131; 431 E16.5 (220kV Bảo Lâm)	15/11	22.00	16/11	10.00
66	Tách MBA AT2; ngăn lộ 272; 274; 132 E16.5 (220kV Bảo Lâm)	16/11	22.00	17/11	10.00
67	Tách MBA AT1; ngăn lộ 231; 131; 431 E22.4 (220kV Hà Giang)	16/11	0.00	16/11	7.00
68	Tách ĐD 272 E26.5 (220kV Bắc Kạn) - 275 E6.2 (220kV Thái Nguyên); MC 2 đầu ĐD; Tách C22 E26.5 (220kV Bắc Kạn)	23/11	5.00	23/11	15.00
69	Tách ĐD 274 E14.6 (220kV Tuyên Quang) - 274 E6.16 (220kV Phú Bình); MC 2 đầu ĐD	02/11	5.00	03/11	17.00
70	Tách ĐD 271 E12.3 (220kV Yên Bái) - 273 E20.3 (220kV Lào Cai); MC 2 đầu ĐD	03/11	5.00	05/11	17.00
71	Tách ĐD 272 E12.3 (220kV Yên Bái) - 274 E20.3 (220kV Lào Cai); MC 2 đầu ĐD	07/11	5.00	09/11	17.00
72	Tách ĐD 273 E14.6 (220kV Tuyên Quang) - 271 A14.0 TĐ Tuyên Quang; MC 273 E14.6	07/11	5.00	07/11	22.00
73	Tách ĐD 272 T500 Việt Trì - 272 E4.4 (220kV Việt Trì); MC 2 đầu ĐD	09/11	5.00	09/11	17.00

74	Tách ĐD 271 T500 Việt Trì - 273 E4.4 (220kV Việt Trì); MC 2 đầu ĐD	10/11	5.00	10/11	17.00
75	Tách ĐD 273 T500 Việt Trì - 272 E25.10 (220kV Vĩnh Tường); MC 2 đầu ĐD	11/11	5.00	11/11	17.00
76	Tách ĐD 271 E25.10 (220kV Vĩnh Tường) - 272 E1.35 (220kV Sơn Tây); MC 2 đầu ĐD	06/11	5.00	06/11	17.00
77	Tách ĐD 271 E14.6 (220kV Tuyên Quang) - 275 E12.3 (220kV Yên Bái); MC 2 đầu ĐD	12/11	5.00	12/11	17.00
78	Tách ĐD 272 E14.6 (220kV Tuyên Quang) - 276 E12.3 (220kV Yên Bái); MC 2 đầu ĐD	13/11	5.00	13/11	17.00
79	Tách ĐD 271 E20.3 (220kV Lào Cai) - 251 Guman; MC 271 E20.3	17/11	5.00	18/11	17.00
80	Tách ĐD 272 E20.3 (220kV Lào Cai) - 252 Guman; MC 272 E20.3	20/11	5.00	21/11	17.00
81	Tách T4; MC 134; SVC E4.4 (220kV Việt Trì)	13/11	1.00	14/11	22.00
82	Tách MBA AT1; MC 231; 131; 431 E4.4 (220kV Việt Trì)	19/11	1.00	24/11	22.00
83	Tách ĐD 271 E4.4 (220kV Việt Trì) - 271(272) A17.55 (Suối Sập 2A); tách MC 271 E4.4	29/11	1.00	30/11	22.00
84	Tách ĐD 273 E12.3 (220kV Yên Bái) - 273 E4.15 (220kV Phú Thọ); tách MC 2 đầu trạm	15/11	1.00	17/11	22.00
85	Tách ĐD 274 E12.3 (220kV Yên Bái) - 272 E4.15 (220kV Phú Thọ); tách MC 2 đầu trạm	21/11	1.00	23/11	23.00
86	Tách MBA AT1; 231; 131; 431 E12.3 (220kV Yên Bái)	25/11	1.00	27/11	23.00
87	Tách TC C21; MC 271; 273 và AT1 E17.50 (220kV Mường La)	01/11	5.00	01/11	18.00
88	Tách TC C22; MC 272; 274 và AT2 E17.50 (220kV Mường La)	02/11	5.00	02/11	18.00
89	Tách ĐD 275 T500 Sơn La - 271, 272 E17.50 (220kV Mường La); MC 271; 272 E17.50; MC 275 T500SL	03/11	5.00	03/11	18.00
90	Tách ĐD 273 E17.6 (220kV Sơn La) - 276 T500 Sơn La; MC 2 đầu ĐD; tách TC C29 T500 Sơn La (Sáng tách chiều trả)	04/11	7.00	05/11	17.00
91	Tách ĐD 271 E17.6 (220kV Sơn La) - 272; 273 A17.55 (TĐ Suối Sập 2A); MC 271 E17.6 (Sáng cắt chiều trả)	15/11	5.00	16/11	15.00
92	Tách ĐD 272 E17.6 (220kV Sơn La) - 273; 274 E17.50 (220kV Mường La); MC 2 đầu ĐD (Sáng cắt chiều trả)	18/11	6.00	19/11	18.00
93	Tách ĐD 271 T500 Lai Châu - 271 E29.20 (220kV Mường Tè); MC 2 đầu ĐD;	27/11	5.00	28/11	19.00

94	Tách ĐD 272 T500 Lai Châu – 272 E29.20 (220kV Mường Tè); MC 272; MC 272 T500 Lai Châu	29/11	5.00	30/11	19.00
95	Tách MBA AT1; MC 231; 131 E17.6 (220kV Sơn La)	08/11	5.00	10/11	7.00
96	Tách MBA AT2; MC232; 132; 432 E17.6 (220kV Sơn La)	15/11	5.00	15/11	16.00
97	Tách MBA AT3; MC 233; 133; 433 T500 Lai Châu	13/11	6.00	13/11	22.00
98	Tách MBA AT4; MC 234; 134; 434 T500 Lai Châu	14/11	6.00	14/11	22.00
99	Tách ĐD 171 E17.50 (220kV Mường La) - 177 E17.6 (220kV Sơn La); MC 177 E17.6; MC 171 E17.50	06/11	5.00	06/11	18.00
100	Tách ĐD 172 E17.50 (220kV Mường La) - 172 A17.29 (TĐ Pá Chiến); MC 172; TC C19 E17.50 (220kV Mường La)	07/11	5.00	07/11	18.00
101	Tách ĐD 173 E17.50 (220kV Mường La) - 174 E17.3 (Mường La); MC 173; C19 E17.50 (220kV Mường La) (Sáng tách chiều trả)	08/11	4.00	09/11	17.00
102	Tách ĐD 174 E17.50 (220kV Mường La) - 173 A17.46 (TĐ Nậm Pía 1); MC 174; TC C19 E17.50 (220kV Mường La)	16/11	5.00	16/11	18.00
103	Tách ĐD 174 E17.6 (220kV Sơn La) - 172 E17.2 (Sơn La); MC 174 E17.6	12/11	5.00	12/11	17.00
104	Tách ĐD 176 E17.6 (220kV Sơn La) - 173 E17.2 (Sơn La); MC 176 E17.6	13/11	5.00	13/11	17.00
105	Tách ĐD 179 E17.6 (220kV Sơn La) - 171 A17.27 (TĐ Háng Đồng); MC 179 E17.6 (220kV Sơn La)	17/11	5.00	17/11	16.00
106	Tách ĐD 280 A100 (TĐ Hoà Bình) - 271 E1.35 (220kV Sơn Tây); MC 271 E1.35	08/11	5.00	08/11	17.00
107	Tách ĐD 271 E7.6 (220kV Bắc Giang) - 271 E13.10 (220kV Lạng Sơn); MC 2 đầu ĐD	01/11	5.00	20/11	16.00
108	Tách ĐD 271 E7.6 (220kV Bắc Giang) - 271 E13.10 (220kV Lạng Sơn); MC 2 đầu ĐD	24/11	5.00	29/11	16.00
109	Tách 02 ĐD 285 A80II (NĐ Phả Lại) - 273 E7.6 (220kV Bắc Giang) và Đ/d 272 E7.6 (220kV Bắc Giang) - 272 E6.25 (220kV Phú Bình 2); MC 272; 273 E7.6	24/11	5.00	24/11	16.00
110	Tách ĐD 293 Maluthang - 272 E22.4 (220kV Hà Giang); Ngăn lộ 272 E22.4 (220kV Hà Giang)	18/11	0.00	07/12	23.00
111	Tách MBA T3; ngăn lộ 133; 333; 433 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	18/11	0.00	27/11	23.00
112	Tách MBA AT2; ngăn lộ 232; 132;	18/11	1.00	20/11	6.00

	432; SVC E6.2 (220kV Thái Nguyên)				
113	Tách ĐD 220kV 273 E22.4 (220kV Hà Giang) - 272 E6.2 (220kV Thái Nguyên); MC 2 đầu trạm	18/11	5.00	20/11	17.00
114	Tách ĐD 271 (273) A22.33 (TĐ Bắc Mê)- 274 E6.2 (220kV Thái Nguyên); ngăn lộ 274 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	21/11	5.00	22/11	17.00
115	Tách ĐD 274 E22.4 (220kV Hà Giang) - 272 (274) A22.33 (TĐ Bắc Mê); ngăn lộ 274 E22.4 (220kV Hà Giang)	23/11	5.00	24/11	17.00
116	Tách ĐD 220kV 271 E6.25 (220kV Phú Bình 2) - 273 E6.2 (220kV Thái Nguyên); ngăn lộ 2 đầu TBA	24/11	22.00	25/11	15.00
117	Tách ĐD 173 E6.2 (220kV Thái Nguyên) - 171 E6.11 (110kV Quán Triều); ngăn lộ 173 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	25/11	22.00	26/11	7.00
118	Tách ĐD 172 E6.2 (220kV Thái Nguyên) - 171 A6.15 (NĐ. An Khánh); ngăn lộ 172 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	25/11	22.00	26/11	9.00
119	Tách ĐD 173 E6.2 (220kV Thái Nguyên) - 171 E6.11 (110kV Quán Triều); ngăn lộ 173 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	26/11	22.00	27/11	7.00
120	Tách ĐD 174 E6.2 (220kV Thái Nguyên) - 171 E6.16 (110kV Phú Lương); ngăn lộ 174 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	26/11	22.00	27/11	9.00
121	Tách MBA T4; ngăn lộ 134; 334; 434 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	28/11	0.00	07/12	23.00
122	Tách MBA AT1; ngăn lộ 231; 131; 931 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	29/11	5.00	29/11	16.00
123	Tách ĐD 171 E6.2 (220kV Thái Nguyên) - 172 E6.4 (110kV Thịnh Đán); ngăn lộ 171 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	30/11	5.00	30/11	16.00
124	Tách ĐD 177 E6.2 (220kV Thái Nguyên) - 171 E6.8 (XM. Thái Nguyên); ngăn lộ 177 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	01/12	5.00	01/12	16.00
125	Tách MBA AT3, MC 233, 133, 433 T500 Đông Anh (Trạm biến áp 500kV Đông Anh);	20/11	8.00	24/11	8.00
126	Tách: MBA AT3, 233, 133 (T500TT)	10/11	7.00	11/11	7.00
127	Tách MBA T3, tách MC 133, 333, 433 E1.6 (220kV Chèm), tách TC C19 E1.6 (220kV Chèm)	08/11	22.00	10/11	7.00
128	Tách ĐD 172 E1.6 (220kV Chèm) - 172 E1.33 (Cầu Diên), tách MC 172 E1.6 220kV Chèm	22/11	22.00	23/11	7.00

129	Tách MBA AT3, 233, 133 E1.3 (220kV Mai Động)	25/11	8.30	28/11	16.00
130	Tách MBA AT4, 234, 134 E1.3 (220kV Mai Động)	28/11	22.00	02/12	22.00
131	Cô lập MBA AT2, TC C22, MC 272, 274, 132, 432 E27.6 (220kV Bắc Ninh)	12/11	8.00	12/11	16.00
132	Tách ĐD 172 E27.6 (220kV Bắc Ninh) - 171 E27.4 (Bình Định) và MC 172 E27.6 (220kV Bắc Ninh)	29/11	8.00	29/11	15.30
133	Tách MC 171 và tách ĐD 171 E1.4 (220kV Hà Đông) - 174 E1.39 (Thanh Oai)	04/11	8.00	04/11	21.00
134	Tách MC 177, C19 và tách ĐD 177 E1.4 (220kV Hà Đông) - 172 E1.26 (Lĩnh Đàm)	06/11	8.00	06/11	20.00
135	Tách MBA T1, MC 131, 331, 431 E1.4 (220kV Hà Đông)	11/11	8.00	13/11	8.00
136	Tách MBA AT4, MC 234, 134, 434 E1.4 (220kV Hà Đông)	25/11	7.00	28/11	23.00
137	Tách MBA AT3, MC 233, 133 E1.4 (220kV Hà Đông)	29/11	7.00	2/12	23.00
138	Tách MBA T3 E1.23 (220kV Vân Trì)	9/11	0.00	9/11	8.00
139	Tách ĐD 173 E11.1 (220kV Thái Bình) - 171 E11.4 (Hưng Hà); tách MC173, MC100, TC C19 E11.1 (220kV Thái Bình)	08/11	6.00	08/11	18.00
140	Tách ĐD 172 E11.1 (220kV Thái Bình) - 173 E3.3 (Long Bối); Tách MC 172 E11.1 (220kV Thái Bình)	22/11	6.00	22/11	18.00
141	Tách ĐD 276 E11.1 (Thái Bình) - 274 E11.20 (Vũ Thư); tách MC276, MC200, TC C29 E11.1	26/11	6.00	26/11	18.00
142	Tách ĐD 272 E11.1 (Thái Bình) - 273 E28.20 (Phổ Cao); tách MC272, MC200, TC C29 E11.1	30/11	6.00	30/11	18.00
143	Tách MC176, tách ĐD 176 E3.7 (220kV Nam Định) - 171 E3.14 (Mỹ Lộc)	04/11	7.00	04/11	15.00
144	Tách MC171; Tách ĐD 171 E3.7 (220kV Nam Định) - 171 E11.5 (Vũ Thư)	05/11	7.00	05/11	18.00
145	Tách ĐD 273 E23.1 (220kV Ninh Bình) - 271 E3.20 (220kV Trực Ninh)	11/11	5.00	12/11	18.00
146	Tách ĐD 271, 272 E3.7 (220kV Nam Định) - 272 E3.20 (220kV Trực Ninh)	13/11	5.00	13/11	18.00
147	Tách ĐD 276 E23.1 (220kV Ninh Bình) - 272 E11.20 (220kV Vũ Thư)	19/11	5.00	20/11	18.00
148	Tách ĐD 273, 274 E3.7 (220kV Nam Định) - 271 E11.20 (220kV Vũ Thư)	25/11	5.00	25/11	18.00
149	Tách TC C29 T500NQ, Tách ĐD 274 T500 Nho Quan - 271 E23.1	07/11	7.00	07/11	16.00

	(220kV Ninh Bình)				
150	Tách MBA AT1, MC231, MC131, MC431 E24.4 (220kV Phú Lý)	01/11	22.00	02/11	7.00
151	Tách đ/d 173 E24.4 (220kV Phú Lý) - 172 E24.11 (Châu Sơn), tách MC173 E24.4 (220kV Phú Lý)	09/11	7.00	09/11	18.00
152	Tách MBA AT2, MC232, MC132, MC432 E24.4 (220kV Phú Lý)	15/11	7.00	17/11	7.00
153	Tách ĐD 177 E24.4 (220kV Phú Lý) - 173 E24.3 (Đồng Văn); tách MC177 E24.4, MC100 E24.4 (220kV Phú Lý)	30/11	7.00	30/11	17.00
154	Tách MBA AT1, MC 231, 131, 431 E24.15 (220kV Thanh Nghị)	12/11	22.00	13/11	6.00
155	Tách MBA AT2, TCC21, TC C19, MC 232, MC 132, MC 100 E24.15 (220kV Thanh Nghị)	19/11	22.00	20/11	7.00
156	Tách MBA AT2, TCC22, MC 232, MC 132 E24.15 (220kV Thanh Nghị)	20/11	22.00	21/11	7.00
157	Tách ĐD 274 E23.1 (220kV Ninh Bình) - 271 E9.20 (220kV Bim Sơn) (Sáng cắt chiều trả)	18/11	6.00	19/11	17.00
158	Tách ĐD 171E9.2 (220kV Ba Chè) - 172E9.48 (T110 Đồng Sơn)	25/11	7.00	25/11	16.00
159	Tách ĐD 172E9.2 (220kV Ba Chè) - 174E9.1 (T110kV Núi Một)	26/11	7.00	26/11	16.00
160	Tách ĐD 271E9.20 (220kV Bim Sơn) - 274E23.1 (220kV Ninh Bình)	11/11	6.00	13/11	6.00
161	Tách ĐD 110kV 174E9.20 (220kV Bim Sơn) - 172E9.6 (Xi măng Bim Sơn)	15/11	6.00	17/11	6.00
162	Tách MBA AT1, MC 231, 131, 431E9.20 (220kV Bim Sơn)	18/11	6.00	20/11	6.00
163	Tách MBA AT1, MC231, 131 E15.10 (220kV Đô Lương)	03/11	5.00	13/11	23.00
164	Tách MBA T2, MC132, 332, 432 E15.1 (220kV Hưng Đông)	04/11	0.00	11/11	22.00
165	Tách ĐD 171 E15.30 Quỳnh Lưu - 171 E15.2 Nghĩa Đàn, MC171 E15.30 (220kV Quỳnh Lưu)	17/11	7.00	17/11	18.00
166	Tách MBA AT1, MC 231, 131, 431 E15.30 (220kV Quỳnh Lưu)	22/11	7.00	22/11	18.00
167	Tách MBA AT2, MC 232, 132 E15.30 (220kV Quỳnh Lưu)	23/11	7.00	23/11	18.00
168	Tách MBA AT4: Cắt MC 134, 234, 434 T500 HT	08/11	6.00	08/11	19.00
169	Tách ĐD 176 T500 Hà Tĩnh - 172 E18.9 (Cẩm Xuyên)	28/11	5.00	28/11	17.30
170	Tách ĐD 274 T500 Hà Tĩnh - 273 NMNĐ Formosa; tách MC 274 T500 Hà Tĩnh	24/11	6.00	25/11	20.00
171	Tách ĐD 272 Đô Lương (E15.10) - 273 Hưng Đông (E15.1) và MC272 E15.10, 273 E15.1. - Tách MC200, C29 E15.10	01/11	4.00	02/11	12.00

	- Tách lần lượt C21, C22 E15.10 - Tách lần lượt C21, C22 E15.1.				
172	- Tách ĐD 271 Đô Lương (E15.10) - 272 Hưng Đông (E15.1), MC271 E15.10, 272 E15.1.	01/11	4.00	02/11	12.00
173	Tách ĐD 172 E15.10 Đô Lương - 171 E15.11 Thanh Chương, MC 172 E15.10, C19 E15.10 Đô Lương	01/11	4.00	02/11	12.00
174	- Tách ĐD 275 E15.40 Tương Dương - 274 E15.10 Đô Lương, MC275 E15.40, 274 E15.10; - Tách MC200, C29 E15.10 Đô Lương	09/11	4.00	10/11	12.00
175	- Tách ĐD 272 NMTĐ Khe Bó - 273 E15.10 Đô Lương, MC273 E15.10 Đô Lương, MC272, 274 NMTĐ Khe Bó; -Tách lần lượt TC C21, C22 E15.10 Đô Lương.	09/11	4.00	10/11	12.00

Công tác ngoài kế hoạch

STT	Tên thiết bị, ĐD	Thời gian bắt đầu		Thời gian kết thúc	
		Ngày	Giờ	Ngày	Giờ
1	Tách ĐD 275 T500 Hiệp Hoà - 273 E1.19 (220kV Sóc Sơn); MC 2 đầu ĐD	01/11	0.00	02/11	6.00
2	Tách ĐD 173 E2.9 (220kV Vật Cách) - 175 E2.2 (An Lạc); MC 173 E2.9	01/11	6.00	03/11	6.00
3	Tách ĐD 171 E8.9 (220kV Hải Dương) - 171 E8.11 (Đại An); MC 171, 100 E8.9	01/11	19.00	02/11	19.00
4	Cắt điện MBA AT2; MC 132; TC C11 E8.20 (220kV Hải Dương 2)	01/11	22.00	02/11	6.00
5	Tách MBA AT2 E7.6 (220kV Bắc Giang)	02/11	0.00	02/11	6.00
6	Tách ĐD 274 E14.6 (220kV Tuyên Quang) - 274 E6.16 (220kV Phú Bình); ngăn lộ 2 đầu TBA	02/11	5.00	02/11	17.30
7	Tách ĐD 272 A22.29 (TĐ Nho Quế 2) - 271 E16.5 (220kV Bảo Lâm); MC 271; 272 E16.5	02/11	5.00	02/11	18.00
8	Tách ĐD 273 T500 Hiệp Hoà - 271 E6.16 (220kV Phú Bình); MC 2 đầu ĐD	07/11	20.00	09/11	8.00
9	Tách MBA T4, MC 134, SVC 402 E4.4 (220kV Việt Trì)	05/11	5.00	07/11	17.00
10	Tách MBA AT1, MC 231, 131; TC C29 E28.20 (220kV Phố Cao)	06/11	22.00	07/11	
11	Tách đ/d 175 E28.20 (220kV Phố Cao) - 173 E8.3 (Phố Cao); tách TC C19; MC 175 E28.20 (220kV Phố Cao)	08/11	22.00	09/11	8.003.00
12	Tách MBA AT2, MC 232, 132, 432; TC C29 E28.20 (220kV Phố Cao)	08/11	22.00	09/11	3.00
13	Tách ĐD 172 E28.1 (220kV Phố Nối) - 171 E28.22 (Dị Sử); MC 172 E28.1;	10/11	0.00	10/11	6.00

	tách TC C12 E28.1				
14	Tách MBA AT1; MC 231, 131, 431 E29.20 (220kV Mường Tè)	10/11	8.00	10/11	19.00
15	Tách MBA AT2; tách MC 274, 132, 432 E28.1 (220kV Phố Nối).	11/11	1.00	15/11	23.00
16	Tách ĐD 174 E4.4 (220kV Việt Trì) - 171 E4.17 (Thụy Vân); MC 178 E4.4	11/11	5.00	13/11	17.00
17	Tách MBA AT2, MC 232, 132 E29.20 (220kV Mường Tè)	11/11	6.00	11/11	18.00
18	Tách ĐD 271 E5.30 (220kV KCN Hải Hà) – 271 A5.20 (NĐ Cẩm Phả); MC 271 E5.30.	11/11	7.00	11/11	19.00
19	Tách MBA AT2; MC 232; TC C21 E8.20 (220kV Hải Dương 2)	11/11	22.00	12/11	6.00
20	Tách ĐD 176 E5.9 (220kV Trảng Bách) - 172 E8.12 (Thép Hoà Phát); MC 100, 176 E5.9	11/11	23.01	13/11	23.00
21	Tách ĐD 274 E28.10 (220kV Kim Động) - 278 T500 Thường Tín; tách MC 274 E28.10; tách thanh cái C21 E28.10	13/11	22.00	14/11	7.00
22	Tách ĐD 271,272 A22.30 (TĐ Nho Quế 3) - 271 E16.2 (220kV Cao Bằng); MC 271 E16.2	13/11	05h00	13/11	18h00
23	Cắt điện MBA AT2 E16.2 (220kV Cao Bằng)	14/11	5.00	14/11	17.00
24	Tách ĐD 271 E7.6 (220kV Bắc Giang) - 271 E13.10 (220kV Lạng Sơn); MC 2 đầu ĐD	14/11	6.00	04/12	16.00
25	Tách ĐD 174 E10.5 (220kV Xuân Mai) - 171 E10.9 (Xuân Mai); MC 171 E10.5 (220kV Xuân Mai)	14/11	22.00	16/11	22.00
26	Tách ĐD 274 E28.10 (220kV Kim Động) - 278 T500 Thường Tín; tách MC 274 E28.10	14/11	22.00	15/11	7.00
27	Tách MBA AT1, ngăn lộ 231, 131, 431 E6.16 (220kV Phú Bình)	15/11	0.00	15/11	8.00
28	Tách ĐD 173 E2.9 (220kV Vật Cánh) - 175 E2.2 (An Lạc); tách MC 173 E2.9	15/11	6.00	17/11	6.00
29	Tách ĐD 275 Quảng Ninh – 272 NĐ A5.20 (NĐ Cẩm Phả); MC 200, 275 T500 Quảng Ninh	15/11	6.00	16/11	17.00
30	Tách ĐD 271 E12.3 (220kV Yên Bái) - 273 E20.3 (220kV Lào Cai); tách MC 2 đầu	15/11	6.00	17/11	6.00
31	Tách MBA AT1, MC 231, 131 E17.6 (220kV Sơn La)	15/11	22.00	17/11	7.00
32	Tách ĐD 285 A80II (NĐ Phả Lại) - 273 E7.6 (220kV Bắc Giang); MC 273 E7.6 (220kV Bắc Giang)	15/11	22.00	16/11	10.00
33	Tách MBA AT2; Tách MC 232, 132, 432 E2.1 (220kV Đồng Hòa).	15/11	22.00	16/11	8.00
34	Tách ĐD 274 E28.10 (220kV Kim Động) - 278 T500 Thường Tín; tách MC 274 E28.10; tách TC C22 E28.10	15/11	22.00	16/11	7.00
35	Tách MBA AT1 E7.6 (220kV Bắc	15/11	23.00	16/11	2.00

	Giang)				
36	Tách MBA T4, ngăn lộ 134, 334, 434 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	16/11	0.00	25/01	23.00
37	Tách MBA AT1, MC 231, 131, 431 E20.3 (220kV Lào Cai)	16/11	1.00	16/11	6.00
38	Tách ĐD 271 E25.10 (220kV Vĩnh Tường) - 272 E1.35 (220kV Sơn Tây); MC 2 đầu ĐD	16/11	1.00	16/11	6.00
39	Tách ĐD 271 A14.0 (TĐ Tuyên Quang) - 273 E14.6 (220kV Tuyên Quang); MC 273 E14.6	16/11	1.00	16/11	6.00
40	Tách MBA AT1; MC 271; 273; 131; TC C21 E17.50 (220kV Mường La)	16/11	5.00	16/11	18.00
41	Tách ĐD 274 E14.6 (220kV Tuyên Quang) - 274 E6.16 (220kV Phú Bình); MC 2 đầu ĐD	16/11	5.00	16/11	17.30
42	Tách MBA AT1, ngăn lộ 231, 131, 431 E7.15 (220kV Quang Châu)	16/11	22.00	17/11	7.00
43	Tách ĐD 172 E6.16 (220kV Phú Bình) - 172 E6.3 (Gò Đầm); MC 172 E6.16	16/11	00h00	16/11	7h00
44	Tách ĐD 274 E12.3 (220kV Yên Bái) - 272 E4.15 (220kV Phú Thọ); MC 2 đầu	17/11	6.00	19/11	6.00
45	Tách ĐD 274 Quảng Ninh - 273 ND A5.20 (ND Cẩm Pha); MC 200, 274 T00QN	17/11	6.00	18/11	17.00
46	Tách ĐD 273 (274) E8.9 (220kV Hải Dương) - 274 T500 Phố Nối; MC 273, 274 E8.9	18/11	7.00	20/11	7.00
47	Tách đ/d 177 E5.9 (220kV Trảng Bách) - 172 E8.17 (SIC Hải Dương); MC 100; 177 E5.9 (220kV Trảng Bách)	19/11	23.00	21/11	23.00
48	Tách đ/d 171 E10.5 (220kV Xuân Mai) - 171 E1.51 (Phú Nghĩa); MC 171 E10.5 (220kV Xuân Mai)	21/11	22.00	23/11	22.00
49	Tách ĐD 175 E8.9 (220kV Hải Dương) - 173 E8.26 (Tân Trường); tách MC 175, 100 E8.9; tách bảo vệ sa thải điện áp thấp, sa thải đặc biệt gửi từ T500 Phố Nối gửi cắt qua ngăn lộ 175 tại E8.9	22/11	20.00	23/11	19.00
50	Tách MBA AT1; MC 231, 131, 431 E4.4 (220kV Việt Trì)	19/11	1.00	22/11	23.00
51	Tách ĐD 274 E5.9 (220kV Trảng Bách) - 273 E5.8 (220kV Hoàng Bồ); MC 273, 200 E5.8; MC 274 E5.9	30/11	0.00	01/12	23.59
52	Tách ĐD 173 T500 Quảng Ninh - 171 E5.2 (Giáp Khẩu) - 171 E5.28 (Hà Lâm) - 172 E5.10 (Hà Tu); tách ĐD 174 T500 Quảng Ninh - 172 E5.2 (Giáp Khẩu) - 172 E5.28 (Hà Lâm) - 171 E5.10 (Hà Tu); MC 173; 174; TC C19 T500 Quảng Ninh	23/11	6.00	24/11	18.00
53	Tách ĐD 175 E28.1 (220kV Phố Nối) - 172 E28.12 (Minh Đức); MC 175 E28.1	24/11	22.00	25/11	5.00

54	Tách MBA AT2 E22.40 (220kV Bắc Quang)	25/11	5.00	25/11	11.00
55	Tách ĐD 273, 274 A53-2 (NĐ Uông Bí 2) - 278 E5.9 (220kV Trảng Bách); MC 278 E5.9	25/11	6.00	25/11	17.00
56	Tách ĐD 177 E2.9 (220kV Vật Cách) - 172 E2.34 (Thép Việt Nhật); MC 177 E2.9	25/11	6.00	27/11	6.00
57	Tách ĐD 273 E28.10 (220kV Kim Động) - 277 T500 Thường Tín; MC 273 E28.10; TC C22 E28.10	25/11	8.00	25/11	15.00
58	Tách MBA AT1; MC 231, 131, 431 E4.4 (220kV Việt Trì)	26/11	22.00	30/11	22.00
59	Tách ĐD 272 E28.10 (220kV Kim Động) - 272 E28.20 (220kV Phố Cao); MC 272 E28.10	27/11	7.00	27/11	21.00
60	Tách ĐD 171 E28.20 (220kV Phố Cao) - 171 E11.18 (Hưng Hà 2); MC 171; TC C19 E28.20	27/11	20.00	28/11	3.00
61	Tách ĐD 175 E28.20 (220kV Phố Cao) - 173 E8.3 (110kV Phố Cao); MC 175, TC C19 E28.20	28/11	3.00	28/11	8.00
62	Tách 02 ĐD 271 A22.33 (TĐ Bắc Mê) - 274 E6.2 (220kV Thái Nguyên) và ĐD 272 E26.5 (220kV Bắc Kạn) - 275 E6.2 (220kV Thái Nguyên) đồng thời ĐD 271 (273) A22.33 (TĐ Bắc Mê) - 274 E6.2 (220kV Thái Nguyên); MC 274; 275 E6.2; MC 272 E26.5	28/11	5.00	05/12	17.00
63	Tách MBA AT1; tách MC 271, 273, 131, 431 E8.9 (220kV Hải Dương)	28/11	19.00	30/11	19.00
64	Tách ĐD 273 E28.10 (220kV Kim Động) - 277 T500 Thường Tín; MC 273 E28.10; TC C21 E28.10	28/11	22.00	29/11	6.00
65	Tách ĐD 171 E22.4 (220kV Hà Giang) - 171 A22.32 (TĐ Sông Lô 2); MC 171 E22.4 (220kV Hà Giang)	29/11	0.00	29/11	5.00
66	Tách ĐD 271, 272 E25.2 (220kV Vĩnh Yên) - 275 E1.19 (220kV Sóc Sơn); MC 271; 272 E25.2; MC 275 E1.19	29/11	0.00	29/11	23.50
67	Tách ĐD 172 E2.9 (220kV Vật Cách) - 171 E2.18 (Cửu Long); MC 172 E2.9	29/11	6.00	01/12	6.00
68	Tách ĐD 273 E28.10 (220kV Kim Động) - 277 T500 Thường Tín; MC 273 E28.10	29/11	8.00	29/11	15.00
69	Tách ĐD 272 E28.10 (220kV Kim Động) - 272 E28.20 (220kV Phố Cao); MC 272 E28.10; TC C22 E28.10	29/11	20.00	30/11	6.00
70	Tách MBA AT1, MC 231, 131, 431 E7.15 (220kV Quang Châu)	29/11	22.00	30/11	6.00
71	Tách MBA AT1, MC 231, 131, 431 E22.4 (220kV Hà Giang)	30/11	0.00	30/11	5.00
72	Tách ĐD 172 E22.4 (220kV Hà Giang) - 173 A22.21 (TĐ Nậm Mạ 1); MC 172 E22.4 (220kV Hà Giang)	30/11	0.00	30/11	5.00

73	Tách ĐD 171 E2.1 (220kV Đồng Hoà) - 172 E2.12 (Lê Chân) - 172 E2.3 (Lạch Tray) - 171 E2.5 (Cửa Cấm) - 172 E2.13 (Cát Bi) - 171 E2.20 (220kV Đình Vũ); MC 171 E2.20; 171 E2.1; Tái lập ca trực, gián đoạn Scada 03 tiếng cuối tại E2.20 (220kV Đình Vũ)	30/11	0.00	30/11	22.00
74	Tách ĐD 173 E28.10 (220kV Kim Động) - 171 E28.24 (Lý Thường Kiệt 2); MC 173, TC C19 E28.10	30/11	6.00	30/11	17.00
75	Tách MBA T1 E15.1 (220kV Hưng Đông)	02/11	0.00	02/11	3.00
76	Tách ĐD 271E9.60 (220kV KKT Nghi Sơn) -283A9.35 (ND Nghi Sơn 1)	05/11	0.00	06/11	22.00
77	Tách MBA AT2, 232, 132, C12 E23.1 (220kV Ninh Bình)	06/11	7.30	06/11	16.30
78	Tách ĐD 273 T500 Nho Quan - 272 E23.1 (220kV Ninh Bình), MC 273 T500 Nho Quan và 272 E23.1 (220kV Ninh Bình)	08/11	5.00	08/11	17.00
79	Tách MBA AT1, MC 231, 131, 431 E9.20 (220kV Bim Sơn)	08/11	6.00	10/11	6.00
80	Tách MBA AT1, 231, 131 E23.1 (220kV Ninh Bình)	08/11	22.00	09/11	6.00
81	Tách MC 133, MBA AT3 E27.15 (220kV Bắc Ninh 3)	08/11	22.00	10/11	7.00
82	Tách ĐD 275 T500 Thường Tín - 274 E1.4 (220kV Hà Đông), MC275 (T500TT).	10/11	8.00	10/11	22.00
83	Tách ĐD 271, 272 (220kV Vũng Áng) - 275 NB Vũng Áng 1 (A18.10)	11/11	7.00	11/11	15.00
84	Tách ĐD 276 T500 Thường Tín - 275 E1.4 (220kV Hà Đông), MC276 (T500TT).	11/11	8.00	11/11	22.00
85	Tách MC 274 E1.4 (220kV Hà Đông) và ĐD 275 T500 Thường Tín - 274 E1.4 (220kV Hà Đông)	13/11	8.00	13/11	20.00
86	Tách MBA AT3; MC 233; MC 133 T500 Nho Quan	14/11	0.00	14/11	04h00
87	Tách ĐD 181 E1.6 (220kV Chèm) - 171 E1.21 (Nhật Tân), tách MC 181, TC C19 E1.6 (220kV Chèm)	14/11	22.00	16/11	6.00
88	Tách MBA AT1, MC231, 131, MC200, MC 100 E15.40 (220kV Tương Dương); tách lần lượt C21, C22 E15.40 (220kV Tương Dương)	18/11	6.00	18/11	17.00
89	Tách ĐD 176 E9.2 (220kV Ba Chè) - 171 E9.27 (T110 Tây Thành phố), MC 176 E9.2 (220kV Ba Chè)	18/11	7.00	18/11	16.00
90	Tách ĐD 175 E9.50 (220kV Nông Cống) - 174 E9.10 (220kV Nghi Sơn), MC 175 E9.50 (220kV Nông Cống)	19/11	7.00	19/11	16.00
91	Tách ĐD 171E15.40 - 173 NMTĐ XoongCon, MC171, 100 E15.40 (220kV Tương Dương)	20/11	6.00	21/11	17.00

92	Tách ĐD 172E15.40 - 171 NMTĐ Khe Thoi, MC172, 100 E15.40 (220kV Tương Dương)	20/11	6.00	20/11	17.00
93	Tách ĐD 176 T500 Hà Tĩnh - 172 E18.9 (Cẩm Xuyên), MC 176 T500 HT	21/11	6.00	21/11	19.00
94	Tách ĐD 274 T500 Hà Tĩnh - 273 NMNĐ Formosa, MC 274 T500 Hà Tĩnh	22/11	6.00	23/11	20.00
95	Tách ĐD 171 E27.6 (220kV Bắc Ninh) - 172 E27.14 (Quê Võ 2), MC 171 E27.6 (220kV Bắc Ninh)	22/11	6.30	25/11	6.30
96	Tách ĐD 179 E23.1 (220kV Ninh Bình) - 172 E23.14 (Gián Khẩu) - 172 - 7 E23.10 (XM Vissai) - 172-7 E23.7 (XM Vinakanxai) - 172-7 E23.13 (KCN X-18)	22/11	7.30	22/11	16.30
97	Tách MBA AT2, MC232, MC132, MC432 E24.4 (220kV Phủ Lý)	22/11	22.00	24/11	6.00
98	Tách ĐD 274 T500 Thường Tín - 273 E1.3 (220kV Mai Động)	24/11	8.30	24/11	18.00
99	Tách ĐD 273 T500 Thường Tín - 274 E1.3 (220kV Mai Động)	25/11	8.30	25/11	18.00
100	Tách ĐD 172 E27.6 (220kV Bắc Ninh) - 171 E27.4 (Bình Định), MC 172 E27.6 (220kV Bắc Ninh)	26/11	6.30	29/11	6.30
101	Tách ĐD 173 E11.1 (Thái Bình) - 171 E11.4 (Hưng Hà); tách MC173, MC100, TC C19 E11.1 (220kV Thái Bình) - Tách bảo vệ so lệch thanh cái 110kV E11.1 (220kV Thái Bình)	27/11	6.00	28/11	6.00
102	Tách ĐD 274 T500 Đông Anh - 274 E1.45 (220kV Long Biên); MC 274 T500 Đông Anh, 274 E1.45 Long Biên.	27/11	7.00	27/11	22.00
103	Tách ĐD 181 E1.6 (220kV Chèm) - 171 E1.21 Nhật Tân, MC 181, TC C19 E1.6 (220kV Chèm)	28/11	22.00	30/11	6.00
104	Tách ĐD 175 E3.7 (220kV Nam Định) - 171 E3.9 (Mỹ Xá), MC 175 E3.7 (220kV Nam Định)	28/11	8,00	28/11	15,00
105	Tách MBA AT2, MC232, MC132, MC432 E24.4 (220kV Phủ Lý)	29/11	21.00	30/11	15.00

b. PTC2

***Trạm biến áp:**

STT	Đối tượng cắt điện	Thời gian				Theo kế hoạch	Không theo kế hoạch
		Bắt đầu		Kết thúc			
		Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
1	AT4 Ngũ Hành Sơn	04/11/25	07:58	04/11/25	15:41	x	
2	AT1 Phong Điền	10/11/25	08:06	14/11/25	20:03	x	
3	AT4 Huế	15/11/25	09:06	15/11/25	16:58	x	
4	T5 Dung Quất	15/11/25	08:26	16/11/25	18:00	x	
5	T1 Ngũ Hành Sơn	18/11/25	09:45	18/11/25	17:45	x	
6	T1 Hòa Khánh	18/11/25	08:25	18/11/25	17:45	x	

7	T4 Dung Quat	18/11/25	15:08	18/11/25	17:20	x	
8	T2 Ngũ Hành Sơn	19/11/25	09:02	19/11/25	15:50	x	
9	AT3 Ngũ Hành Sơn	20/11/25	09:10	20/11/25	18:21	x	
10	AT4 Ngũ Hành Sơn	21/11/25	08:48	21/11/25	17:20	x	
11	AT2 Đông Hà	24/11/25	06:41	25/11/25	20:25	x	
12	T1 Hòa Khánh	24/11/25	08:00	24/11/25	15:27	x	
13	T2 Hòa Khánh	25/11/25	09:06	25/11/25	15:05	x	
14	AT3 Dốc Sỏi	26/11/25	11:32	26/11/25	17:25	x	
15	AT1 Đông Hà	26/11/25	08:45	27/11/25	17:22	x	
16	AT4 Dốc Sỏi	27/11/25	08:59	27/11/25	14:55	x	
17	AT2 Quảng Ngãi	30/11/25	07:26	30/11/25	20:41	x	

*** Đường dây:**

STT	Đối tượng cắt điện	Thời gian				Theo kế hoạch	Không theo kế hoạch
		Bắt đầu		Kết thúc			
		Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
1	ĐD 500kV 575 Đà Nẵng - 574 Vũng Áng	01/11/25	05:28	03/11/25	17:07	x	
2	ĐD 220kV 271, 272 Ngũ Hành Sơn – 271 Đà Nẵng	01/11/25	07:36	01/11/25	17:29	x	
3	ĐD 220kV 273 Duy Xuyên - 273, 274 Ngũ Hành Sơn	02/11/25	08:34	02/11/25	16:54	x	
4	ĐD 220kV 271 Xekaman 3 - 271 T220 Đắk Oóc	04/11/25	06:51	04/11/25	16:04	x	
5	ĐD 220kV 271 Sơn Hà - 278 Dốc Sỏi	04/11/25	06:42	04/11/25	17:44	x	
6	ĐD 500kV 574 Đà Nẵng - 574 Hà Tĩnh	05/11/25	10:07	05/11/25	14:50	x	
7	ĐD 220kV 273 Thạnh Mỹ - 273 A Vương	08/11/25	08:40	08/11/25	17:09	x	
8	ĐD 220kV 273 Thạnh Mỹ 500 - 272 Thạnh Mỹ 220	08/11/25	06:12	08/11/25	17:53	x	
9	ĐD 220kV 273 Thạnh Mỹ 500 - 272 Thạnh Mỹ 220	09/11/25	06:46	09/11/25	17:52	x	
10	ĐD 220kV 274 Thạnh Mỹ - 272 A Vương	09/11/25	08:50	09/11/25	16:31	x	
11	ĐD 500kV 575 Dốc Sỏi - 581 Pleiku 2	13/11/25	09:09	13/11/25	17:30	x	
12	ĐD 110kV 171 Bình Nguyên - 182 Dốc Sỏi	13/11/25	11:41	13/11/25	14:44	x	
13	ĐD 220kV 275 Quảng Ngãi - 273 Phù Mỹ	13/11/25	18:18	14/11/25	08:10	x	
14	ĐD 500kV 576 Dốc Sỏi - 582 Pleiku 2	14/11/25	08:47	14/11/25	16:52	x	
15	ĐD 220kV 271 Sơn Hà - 278 Dốc Sỏi	17/11/25	06:26	18/11/25	15:48	x	

16	ĐD 110kV 172 Ngũ Hành Sơn - 171 Hòa Xuân	17/11/25	20:47	17/11/25	22:10	x	
17	ĐD 500kV 575 Thạnh Mỹ - 581 MonSoon	18/11/25	07:17	18/11/25	17:32	x	
18	ĐD 220kV 274 Quảng Ngãi - 274 Thượng KonTum	18/11/25	09:56	18/11/25	18:32	x	
19	ĐD 500kV 576 Thạnh Mỹ - 582 MonSoon	19/11/25	08:09	19/11/25	16:55	x	
20	ĐD 220kV 274 NMTĐ Sông Bung 2 - 274 NMTĐ Sông Bung 4	19/11/25	06:42	19/11/25	16:34	x	
21	ĐD 220kV 273 Quảng Ngãi - 271 Nước Long	20/11/25	07:52	20/11/25	16:56	x	
22	ĐD 220kV 271 Sơn Hà - 278 Dốc Sỏi	23/11/25	06:41	23/11/25	17:40	x	
23	ĐD 500kV 572 Thạnh Mỹ 500 - 583 Pleiku 2	24/11/25	07:45	24/11/25	16:25	x	
24	ĐD 220kV 273 Vũng Áng - 271, 272 Đồng Hới	26/11/25	08:56	28/11/25	15:19	x	
25	ĐD 220kV 272 Ba Đồn - 275 Đồng Hới	29/11/25	06:32	30/11/25	15:24	x	
26	ĐD 220kV 271 Đà Nẵng - 271 Ngũ Hành Sơn	29/11/25	07:05	29/11/25	16:12	x	
27	ĐD 220kV 274 Ngũ Hành Sơn - 273 Duy Xuyên	30/11/25	08:33	30/11/25	17:04	x	

c. PTC3

STT	Đối tượng cắt điện	Thời gian				Theo kế hoạch	Không theo kế hoạch
		Bắt đầu		Kết thúc			
		Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
1	Cô lập thanh cái C21, MC 212, DCL 212-1 trạm 500kV Pleiku 2.	02/11/2025	07h14	03/11/2025	18h52	x	
2	Cô lập MBA AT2, MC 232, 132 Trạm 220kV Đức Trọng 2.	03/11/2025	06h32	03/11/2025	16h26	x	
3	Cô lập ngăn lộ 172 TBA 220kV Cam Ranh	04/11/2025	08h00	07/11/2025	17h00	x	
4	Cô lập thanh cái C22, MC 212, DCL 212-2 trạm 500kV Pleiku 2.	04/11/2025	17h03	05/11/2025	18h11	x	
5	Cô lập Đường dây 500kV 575 Vân Phong – 573 Thuận Nam; MC 565, 575 Trạm biến áp 500kV Vân Phong; MC 573, 563, K503, KH503 Trạm 500kV Thuận Nam.	04/11/2025	07h24	07/11/2025	18h00	x	

	(cắt điện hàng ngày)						
6	Cô lập Thanh cái C52, MC 532, 561, 584, 585 TBA 500kV Vĩnh Tân.	05/11/2025	17h25	06/11/2025	04h03	x	
7	Cô lập MBA AT1, thanh cái C21, ngăn 231 trạm 500kV Di Linh	05/11/2025	22h24	06/11/2025	01h42	x	
8	Cô lập KH503 và các thiết bị đi kèm gồm: KH503 MC K503 DCL K503-6 (kèm DTĐ) CSKH 503 CSKT503 KKT503 KT503-0 (kèm DTĐ); KT503 RT503 trạm 500kV Pleiku 2	09/11/2025	06h25	16/11/2025	18h00	x	
9	Cô lập ĐD 500kV 573 Pleiku 2 - 571 Easup	09/11/2025	11h16	09/11/2025	13h03	x	
10	Cô lập thanh cái C51 trạm 500kV Pleiku 2	09/11/2025	10h16	09/11/2025	13h23	x	
11	Cô lập MC 272 DCL 272-7 TU 272 TCC29 (10/11/2025 08:00 - 10/11/2025 23:00 (Liên tục)) TC C21 (10/11/2025 19:00 - 10/11/2025 21:00 (Liên tục)) TC C22 (10/11/2025 21:00 - 10/11/2025 23:00 (Liên tục)) trạm 220kV Ninh Phước	10/11/2025	09h16	11/11/2025	00h18	x	
12	Cô lập MC 200, thanh cái C29 trạm 500kV Di Linh.	10/11/2025	08h19	10/11/2025	10h42	x	
13	Cô lập MC212 TI212 và thanh cái C21Đườngdây: Cat_nhaydienduongday272/Pleiku-275_/Pleiku2 (11/11/2025 17:00 - 11/11/2025 18:00 trạm 500kV Pleiku 2.	10/11/2025	06h50	11/11/2025	18h00	x	
14	Cô lập ngăn lộ 272 trạm 220kV Ninh Phước	11/11/2025	08h43	11/11/2025	22h34	x	
15	Cô lập đường dây 220V 274 Ninh Phước – 272 Mỹ Sơn HLV; MC 274, TU274 TBA 220kV Ninh Phước.	11/11/2025	18h17	11/11/2025	23h47	x	
16	Cô lập ĐD 220kV 271 Di Linh - 276 Bảo Lộc; MC 271, Làn lượt TC C21, C22 TBA 500kV Di Linh; MC 276 TBA 220kV Bảo Lộc	11/11/2025	06h27	11/11/2025	15h31	x	
17	Cô lập ĐD 274 Vạn Ninh - 277 T220 Văn Phong; Ngăn lộ 274 Trạm Vạn Ninh	11/11/2025	07h55	12/11/2025	15h08	x	
18	Cô lập MC 276 T220 Tuy Hòa	11/11/2025	11h16	11/11/2025	16h04	x	

19	Cô lập thanh cái C51 và các MC 531 MC532 MC573 MC574; Cô lập F87B thanh cái C51 T500 Pleiku 2	12/11/2025	09h03	12/11/2025	17h55	x	
20	Cô lập MC 273 TU 273 trạm 220kV Quy Nhơn. ĐD 271 NMTĐ An Khê - 273 Quy Nhơn	12/11/2025	16h39	13/11/2025	05h57	x	
21	Cô lập đường dây 220V 275 Ninh Phước – 274 Nhị Hà; MC 275, TU275 TBA 220kV Ninh Phước.	12/11/2025	18h42	13/11/2025	23h31	x	
22	Cô lập ĐD 500kV 575 Dốc Sỏi - 581 Pleiku 2 (kết hợp PTC2)	13/11/2025	09h11	13/11/2025	14h31	x	
23	Cô lập MC 254 284 TBA 500kV Vĩnh Tân. ĐD 220 kV 284_VinhTan-TD21NMD VinhTan2	13/11/2025	08h30	13/11/2025	15h25	x	
24	Cô lập đường dây 220V 273 Ninh Phước – 272 Phước Thái; MC 273, TU273 TBA 220kV Ninh Phước.	13/11/2025	18h20	14/11/2025	00h04	x	
25	Cô lập ĐD 220kV 273 Phù Mỹ – 275 Quảng Ngãi	13/11/2025	18h19	14/11/2025	06h08	x	
26	Cô lập MBA AT1, TD31, MC 341, 531, 530, 231, 230, 341 trạm 500kV Vĩnh Tân. (Hàng ngày)	13/11/2025	17h54	15/11/2025	05h33	x	
27	Cô lập ĐD 500kV 576 Dốc Sỏi - 582 Pleiku 2 (kết hợp PTC2)	14/11/2025	08h50	14/11/2025	13h56	x	
28	Cô lập MBA AT2 TD42 trạm 500kV Di Linh	14/11/2025	21h49	14/11/2025	23h33	x	
29	Cô lập MBA AT2, MC 232, 132; Làn lượt từng cặp TC C22, C12; C21, C11 trạm 220kV Phước An.	15/11/2025	06h38	15/11/2025	17h41	x	
30	Cô lập MC 176 TI176 TU176 DCL 176-7 trạm 500kV Pleiku	16/11/2025	09h00	16/11/2025	11h15	x	
31	Cô lập MC 584 564 trạm 500kV Vĩnh Tân	16/11/2025	07h56	16/11/2025	13h38	x	
32	Cô lập MBA AT2 trạm 500kV Di Linh.	17/11/2025	20h55	17/11/2025	23h05	x	
33	Cô lập MC 574 563 TBA 500kV Pkeiku; ĐD 500kV 574 Pleiku - 572 IaLy	17/11/2025	06h35	18/11/2025	21h06	x	
34	Cô lập MC 271, TI271 (dùng MC200 thay thế MC271) trạm 500kV Pleiku	17/11/2025	08h30	17/11/2025	13h48	x	
35	Cô lập TC C22, MC 212, 274 (chuyển các ngăn lộ 220kV về vận hành trên TC C21, dùng MC 200 thay thế 274) TBA 500kV Pleiku.	18/11/2025	14h00	18/11/2025	17h16	x	
36	Cô lập MC 172 173 174 175 112 131 và các thanh cái C11 C12 TBA 220kV An Khê.	18/11/2025	07h23	21/11/2025	14h22	x	
37	Cô lập MBA AT1, MC 231, 131, 431 trạm 220kV Phước An.	18/11/2025	15h03	18/11/2025	18h10	x	
38	Cô lập MBA AT2 MC 532 530 232 255 342 trạm 500kV Vĩnh Tân. (Hàng ngày)	18/11/2025	17h08	19/11/2025	05h29	x	

39	Cô lập MBA 220kV T1; MC 231, 431, 433 TBA 220kV Phước Thái.	18/11/2025	18h41	18/11/2025	23h13	x	
40	Cô lập MC 573 562 TBA 500kV Pleiku. ĐD 500kV 573 Pleiku - 574 IaLy	19/11/2025	08h25	20/11/2025	19h17	x	
41	Cô lập thanh cái C51 MC 531 574 575 trạm 500kV Vĩnh Tân	21/11/2025	17h23	22/11/2025	01h47	x	
42	Cô lập MC 585 565 trạm 500kV Vĩnh Tân	22/11/2025	08h55	24/11/2025	16h35	x	
43	Cô lập MC 174 DCL 174-7 TU174 trạm 220KV - Bảo Lộc	23/11/2025	07h12	23/11/2025	19h24	x	
44	Cô lập MC 564 574 KH 504 TBD504 trạm 500kV Pleiku 2. ĐD 500kV 574 Pleiku 2 - 572 Chơn Thành	23/11/2025	06h30	23/11/2025	15h52	x	
45	Cô lập TC C51 trạm 500kV Pleiku 2	23/11/2025	08h15	23/11/2025	13h12	x	
46	Cô lập MC 281, MC 251 trạm 500kV Vĩnh Tân	24/11/2025	14h22	24/11/2025	18h11	x	
47	Cô lập KH593 TBD593 MC 583 563 Trạm 500kV Pleiku 2; ĐD 500kV 583 Pleiku 2 - 572 Thạnh Mỹ	24/11/2025	08h14	24/11/2025	15h00	x	
48	Cắt điện MC 212, Lần lượt TC C21, C22 trạm 500kV Pleiku 2	24/11/2025	09h02	24/11/2025	16h56	x	
49	Cô lập MC 232 thanh cái C24 TBA 500kV Vĩnh Tân.	24/11/2025	17h22	24/11/2025	20h00	x	
50	Cô lập MC 231 thanh cái C22 TBA 500kV Vĩnh Tân.	25/11/2025	16h35	25/11/2025	20h00	x	
51	Cô lập MC 231 thanh cái C22 TBA 500kV Vĩnh Tân.	25/11/2025	06h40	25/11/2025	18h42	x	
52	Cắt điện MC 271 200 thanh cái C29 và DCL 271-7 (25/11/2025 06:00 - 25/11/2025 16:00 (Liên tục)) TBA 220kV Phước Thái.	25/11/2025	18h45	26/11/2025	00h06	x	
53	Cắt điện MC 272 200 thanh cái C29 và DCL 272-7 (26/11/2025 06:00 - 26/11/2025 16:00 Cắt điện C21, 272-1 (26/11/2025 06:30 - 26/11/2025 10:30 (Liên tục)) Cắt điện C22, 272-2 (26/11/2025 11:00 - 26/11/2025 15:30 (Liên tục)) trạm 500kV Pleiku 2.	26/11/2025	06h52	26/11/2025	16h52	x	
54	Cô lập MC K504 KH504 KT504 RT504 trạm 500kV Vĩnh Tân	26/11/2025	08h22	27/11/2025	22h30	x	
55	Cô lập đường dây 220V 272 Thiên Tân – 271 Cam Ranh.	27/11/2025	06h33	27/11/2025	16h16	x	
56	Cô lập MBA 220kV T1; MC 231, 431, 433 TBA 220kV Phước Thái (cắt điện hàng đêm)	27/11/2025	17h44	28/11/2025	23h35	x	
57	Cô lập MC 174 và TU174 trạm 220kV Phan Rí	27/11/2025	07h48	27/11/2025	11h56	x	

58	Cô lập ĐD 273 Pleiku 2 – 271 Xekaman 1; T500PK2: Cắt điện MC 273, 200, thanh cái C29 và DCL 273-7; Lần lượt TC C21, C22.	27/11/2025	07h45	27/11/2025	16h22	x	
59	Cô lập MBA AT1 MC 271 274 131 431 TC C21 TBA An Khê.	28/11/2025	06h06	28/11/2025	16h00	x	
60	Cắt điện MC 275, 200, thanh cái C29 và DCL 275-7; Lần lượt TC C21, C22 trạm 500kV Pleiku 2.	28/11/2025	07h06	28/11/2025	16h00	x	
61	Cắt điện MC 278 và DCL 278-7; Lần lượt TC C21, C22 trạm 500kV Pleiku 2.	29/11/2025	06h00	29/11/2025	16h00	x	
62	Cắt điện MC 276, 200, thanh cái C29 và DCL 276-7; Lần lượt TC C21, C22 trạm 500kV Pleiku 2.	30/11/2025	16h00	01/12/2025	05h00	x	
63	Cô lập ĐD 500kV 573 Pleiku 2 - 571 Ea súp; MC 563, 573 Trạm 500kV Pleiku 2	30/11/2025	06h00	30/11/2025	16h00	x	

d. PTC4

Trạm biến áp

STT	Máy biến áp, thiết bị ngừng cấp điện		Thời gian				Nội dung công tác	
			Bắt đầu		Kết thúc		Theo kế hoạch	Không theo KH
			Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
I	Trạm biến áp	Thiết bị cô lập						
1	Trạm 220kV Tân Thành	C12	29/11	08:00	29/11	16:50	x	
2	Trạm 220kV Thuận An	178	29/11	06:15	29/11	13:15	x	
3	Trạm 500kV Duyên Hải	C51	29/11	06:00	29/11	18:30	x	
4	Trạm 220kV Bình Chánh	AT2	29/11	00:12	29/11	02:58	x	
5	Trạm 500kV Sông Mỹ	232	28/11	18:00	30/11	22:00	x	
6	Trạm 220kV Tân Thành	C12	28/11	09:10	28/11	16:27	x	
7	Trạm 500kV Duyên Hải	C51	28/11	07:30	28/11	16:30	x	
8	Trạm 500kV Ô Môn	C52	26/11	11:00	27/11	19:07	x	
9	Trạm 220kV Tân Biên	112	25/11	08:00	25/11	17:00	x	
10	Trạm 220kV Ô Môn 2	C21	25/11	08:00	25/11	17:00	x	
11	Trạm 220kV Kiên Bình	132	25/11	07:00	25/11	16:00	x	
12	Trạm 220kV Long Thành	T102	25/11	05:00	27/11	23:00	x	
13	Trạm 220kV Long Bình	176	25/11	05:00	30/11	06:00	x	
14	Trạm 220kV Hóc Môn	C29	25/11	01:46	27/11	23:00	x	
15	Trạm 220kV Cát Lái	C21	25/11	00:00	25/11	11:00	x	
16	Trạm 220kV Long Bình	C21	23/11	19:00	23/11	21:10	x	
17	Trạm 220kV Long Thành	C21	23/11	19:00	23/11	22:12	x	
18	Trạm 500kV Duyên Hải	C51	23/11	08:59	23/11	15:20	x	
19	Trạm 220kV Cần Đước	C44	23/11	08:54	23/11	16:42	x	
20	Trạm 500kV Sông Mỹ	C12	23/11	08:30	23/11	17:10	x	

STT	Máy biến áp, thiết bị ngừng cấp điện		Thời gian				Nội dung công tác	
			Bắt đầu		Kết thúc		Theo kế hoạch	Không theo KH
			Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
21	Trạm 500kV Sông Mây	173	23/11	08:30	23/11	17:10	x	
22	Trạm 220kV Sóc Trăng	AT2	23/11	07:17	23/11	16:45	x	
23	Trạm 220kV Mỹ Tho 2	C11	23/11	07:12	23/11	17:18	x	
24	Trạm 220kV Long Thành	433	23/11	07:10	23/11	16:47	x	
25	Trạm 220kV Long Bình	171	23/11	06:00	23/11	21:32	x	
26	Trạm 500kV Tân Định	C53	23/11	00:00	23/11	22:47	x	
27	Trạm 220kV Hóc Môn	T5	22/11	20:00	23/11	21:15	x	
28	Trạm 500kV Duyên Hải	C51	22/11	09:07	22/11	15:17	x	
29	Trạm 220kV Trà Vinh	AT1	22/11	07:47	22/11	16:35	x	
30	Trạm 220kV Hóc Môn	200	22/11	07:12	23/11	08:02	x	
31	Trạm 220kV Bạc Liêu	173	21/11	08:52	21/11	15:52	x	
32	Trạm 220kV Vĩnh Châu	TC C12	21/11	06:15	21/11	16:00	x	
33	Trạm 220kV Thuận An	C21	19/11	17:00	19/11	22:06	x	
34	Trạm 220kV Bình Hòa	C22	19/11	17:00	19/11	21:00	x	
35	Trạm 220kV Tân Thành	C12	19/11	08:00	19/11	17:00	x	
36	Trạm 220kV Long Bình	171	19/11	05:00	23/11	06:00	x	
37	Trạm 220kV Bạc Liêu	AT2	18/11	08:18	20/11	17:00	x	
38	Trạm 220kV Bạc Liêu	112	18/11	08:18	18/11	18:15	x	
39	Trạm 220kV Kiên Bình	C22	17/11	06:27	17/11	13:21	x	
40	Trạm 220kV Trảng Bàng	C12	16/11	07:54	16/11	15:04	x	
41	Trạm 220kV Tây Ninh	271	16/11	07:07	16/11	16:17	x	
42	Trạm 220kV Long An	171	16/11	06:07	16/11	12:56	x	
43	Trạm 220kV Cao Lãnh	131	16/11	06:05	16/11	16:35	x	
44	Trạm 220kV Tây Ninh	C12	16/11	05:54	16/11	11:50	x	
45	Trạm 500kV Đức Hòa	184	16/11	05:17	16/11	18:00	x	
46	Trạm 500kV Tân Uyên	274	15/11	08:33	15/11	14:41	x	
47	Trạm 220kV Thốt Nốt	942	15/11	08:29	15/11	18:55	x	
48	Trạm 220kV Tân Thành	C11	15/11	08:00	15/11	17:00	x	
49	Trạm 220kV Tao Đàn	T3	15/11	07:58	15/11	16:51	x	
50	Trạm 500kV Phú Mỹ	576	15/11	07:26	15/11	18:30	x	
51	Trạm 220kV Tây Ninh	C12	15/11	07:14	15/11	17:11		x
52	Trạm 220kV Rạch Giá	274	15/11	06:55	18/11	19:35	x	
53	Trạm 220kV Cát Lái	175	15/11	06:51	18/11	21:10	x	
54	Trạm 220kV Vĩnh Châu	TC C12	15/11	06:44	16/11	16:19	x	
55	Trạm 220kV Châu Đốc	112	15/11	06:04	15/11	15:13	x	
56	Trạm 220kV Vĩnh Châu	112	14/11	06:40	14/11	15:45	x	
57	Trạm 220kV Long Thành	183	14/11	06:25	18/11	21:10	x	
58	Trạm 220kV Cao Lãnh	112	13/11	06:36	13/11	16:12	x	
59	Trạm 220kV Tây Ninh	C29	12/11	09:00	12/11	16:18	x	
60	Trạm 220kV Vĩnh Long	C12	12/11	08:38	12/11	15:34	x	
61	Trạm 220kV Xuân Lộc	112	12/11	08:00	12/11	12:00	x	

STT	Máy biến áp, thiết bị ngừng cấp điện		Thời gian				Nội dung công tác	
			Bắt đầu		Kết thúc		Theo kế hoạch	Không theo KH
			Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
62	Trạm 500kV Đức Hòa	C29	12/11	07:50	12/11	19:30	x	
63	Trạm 220 kV Cai Lậy	112	12/11	07:00	12/11	16:05	x	
64	Trạm 500kV Mỹ Tho	532	11/11	08:17	11/11	16:10	x	
65	Trạm 220kV Thuận An	274	11/11	06:00	14/11	20:00	x	
66	Trạm 500kV Sông Mỹ	565	11/11	05:00	11/11	22:00	x	
67	Trạm 220kV Long Bình	179	11/11	05:00	16/11	06:00	x	
68	Trạm 220kV Thốt Nốt	174	10/11	09:00	10/11	13:30	x	
69	Trạm 220kV Long Xuyên 2	176	10/11	07:50	10/11	11:57	x	
70	Trạm 500kV Cầu Bông	C52	09/11	09:25	10/11	18:04	x	
71	Trạm 220kV Hóc Môn	172	09/11	08:40	09/11	17:19	x	
72	Trạm 220kV Bạc Liêu	174	09/11	08:36	09/11	16:20	x	
73	Trạm 220kV Long Thành	C12	09/11	08:35	09/11	14:43	x	
74	Trạm 220kV Bến Lức	AT3	09/11	08:35	09/11	12:20	x	
75	Trạm 220kV Tân Biên	273	09/11	08:10	09/11	17:05	x	
76	Trạm 220kV Long Bình	C41	09/11	08:00	09/11	17:14	x	
77	Trạm 220kV Bình Hòa	C12	09/11	07:50	09/11	23:59	x	
78	Trạm 500kV Cầu Bông	132	09/11	07:31	09/11	10:31	x	
79	Trạm 220kV Long Bình	174	09/11	07:26	09/11	16:26	x	
80	Trạm 220kV Cao Lãnh	174	08/11	07:18	08/11	19:18	x	
81	Trạm 500kV Mỹ Tho	532	08/11	06:15	08/11	15:15	x	
82	Trạm 500kV Mỹ Tho	C29	06/11	08:40	06/11	15:07	x	
83	Trạm 220kV Hóc Môn	C12	05/11	21:00	06/11	06:00	x	
84	Trạm 500kV Sông Mỹ	232	05/11	19:00	06/11	00:22	x	
85	Trạm 500kV Sông Mỹ	C52	05/11	18:55	06/11	00:22	x	
86	Trạm 500kV Duyên Hải	C52	05/11	15:00	06/11	15:05	x	
87	Trạm 500kV Cầu Bông	232	05/11	09:10	05/11	14:30	x	
88	Trạm 500kV Sông Hậu	562	05/11	08:58	05/11	11:22	x	
89	Trạm 220kV Rạch Giá	C22	05/11	08:45	05/11	14:58	x	
90	Trạm 220kV Long Bình	174	05/11	06:50	09/11	06:00	x	
91	Trạm 220kV Long Bình	180	05/11	05:00	13/11	18:00	x	
92	Trạm 500kV Ô Môn	KH502	04/11	07:57	04/11	13:10	x	
93	Trạm 220kV Bạc Liêu	175	02/11	07:40	02/11	15:06	x	
94	Trạm 220kV Tây Ninh	232	01/11	09:11	01/11	16:30	x	
95	Trạm 220kV Bạc Liêu	131	01/11	07:50	01/11	18:08	x	
96	Trạm 500kV Đức Hòa	C29	01/11	06:00	03/11	15:00	x	
97	Trạm 220kV Long Thành	180	01/11	05:00	05/11	22:00	x	
98	Trạm 220kV Long Bình	176	30/11	10:48	30/11	17:48	x	
99	Trạm 220kV Long Bình	434	30/11	07:46	30/11	17:46	x	
100	Trạm 500kV Sông Mỹ	177	30/11	07:40	30/11	15:40	x	
101	Trạm 500kV Sông Mỹ	C12	30/11	07:37	30/11	16:37	x	
102	Trạm 220kV Hóc Môn	AT1	30/11	00:55	01/12	23:55	x	

STT	Máy biến áp, thiết bị ngừng cấp điện		Thời gian				Nội dung công tác	
			Bắt đầu		Kết thúc		Theo kế hoạch	Không theo KH
			Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
103	Trạm 220kV Hóc Môn	AT1	30/11	00:45	30/11	23:45	x	
104	Trạm 220kV Hóc Môn	AT1	30/11	00:45	30/11	23:45	x	
105	Trạm 500kV Ô Môn	C51	26/11	21:35	27/11	21:35	x	
106	Trạm 220kV Hóc Môn	C11	24/11	21:09	25/11	06:09	x	
107	Trạm 220kV Bình Hòa	T103	24/11	06:05	27/11	21:05	x	
108	Trạm 220kV Hóc Môn	271	24/11	05:12	24/11	21:12	x	
109	Trạm 220kV Thuận An	434	21/11	21:05	22/11	01:00	x	
110	Trạm 220kV Long Thành	182	21/11	20:10	22/11	00:23	x	
111	Trạm 220kV Rạch Giá	C22	21/11	06:00	21/11	17:00	x	
112	Trạm 220kV Cát Lái	178	21/11	06:00	04/12	08:00	x	
113	Trạm 220kV Hóc Môn	C22	21/11	05:00	24/11	23:00	x	
114	Trạm 220kV Hóc Môn	C22	20/11	20:00	21/11	01:00	x	
115	Trạm 220kV Vĩnh Long	441	20/11	09:12	20/11	15:36	x	
116	Trạm 220kV Hóc Môn	175	20/11	08:56	20/11	14:49	x	
117	Trạm 500kV Duyên Hải	583	20/11	08:40	20/11	16:16	x	
118	Trạm 220kV Tân Biên	100	20/11	08:21	20/11	15:17	x	
119	Trạm 220kV Bến Cát	175	20/11	08:16	20/11	17:15	x	
120	Trạm 220kV Cát Lái	C21	20/11	06:00	23/11	23:56	x	
121	Trạm 220kV Bình Hòa	T102	20/11	06:00	23/11	20:00	x	
122	Trạm 220kV Bình Hòa	177	20/11	06:00	10/12	20:00	x	
123	Trạm 500kV Nhà Bè	237	16/11	07:22	16/11	17:28	x	
124	Trạm 220kV Thuận An	445	16/11	06:26	16/11	15:13	x	
125	Trạm 220kV Long Bình	179	16/11	06:00	16/11	23:55	x	
126	Trạm 220kV Bến Tre	C12	16/11	05:40	16/11	17:00	x	
127	Trạm 220kV Bến Tre	C12	14/11	09:32	14/11	18:50	x	
128	Trạm 500kV Duyên Hải	583	13/11	08:45	14/11	17:48	x	
129	Trạm 500kV Sông Mỹ	575	13/11	06:15	13/11	19:35	x	
130	Trạm 220kV Tân Thành	C12	11/11	22:19	12/11	08:30	x	
131	Trạm 220kV Cát Lái	C12	11/11	10:08	11/11	13:25	x	
132	Trạm 220kV Kiên Bình	C12	11/11	08:15	11/11	16:50	x	
133	Trạm 220kV Thủ Đức	175	11/11	07:43	12/11	17:34	x	
134	Trạm 220kV Cát Lái	177	11/11	06:00	17/11	20:00	x	
135	Trạm 220kV Hóc Môn	C21	08/11	21:34	09/11	07:40	x	
136	Trạm 220kV Hóc Môn	T6	08/11	21:34	09/11	07:40	x	
137	Trạm 220kV Vĩnh Long	176	08/11	08:53	08/11	13:41	x	
138	Trạm 220kV Vĩnh Long	C22	08/11	08:50	08/11	16:50	x	
139	Trạm 500kV Tân Định	176	08/11	08:16	08/11	17:16	x	
140	Trạm 220kV Xuân Lộc	232	08/11	08:10	08/11	17:10	x	
141	Trạm 220kV Long Thành	181	08/11	05:40	12/11	21:18	x	
142	Trạm 220kV Rạch Giá	174	07/11	00:00	07/11	15:50	x	
143	Trạm 220kV Hóc Môn	C12	06/11	21:00	07/11	06:00	x	

STT	Máy biến áp, thiết bị ngừng cấp điện		Thời gian				Nội dung công tác	
			Bắt đầu		Kết thúc		Theo kế hoạch	Không theo KH
			Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
144	Trạm 220kV Thốt Nốt	C21	06/11	08:25	06/11	13:17	x	
145	Trạm 220kV Xuân Lộc	172	02/11	08:40	02/11	12:02	x	
146	Trạm 220 kV Cai Lậy	172	02/11	08:00	02/11	15:32	x	
147	Trạm 220kV Mỹ Phước	431	02/11	07:44	02/11	16:30	x	
148	Trạm 500kV Phú Lâm	231	02/11	07:20	02/11	18:02	x	
149	Trạm 220kV Long Bình	176	02/11	06:40	02/11	19:31	x	

Đường dây:

II	Đường dây						
1	220kV NMĐ Phú Mỹ (257, 277) - Nhà Bè (272)	29/11	08:20	06/12	19:00	x	
2	220kV Kiên Bình (272) - Châu Đốc (273)	29/11	04:00	30/11	19:00	x	
3	500kV Mỹ Tho (566, 586) - Ô Môn (565, 575)	28/11	10:25	28/11	19:30	x	
4	500kV Duyên Hải (572, 562) - Mỹ Tho (583, 563)	28/11	06:41	28/11	17:27	x	
5	220kV Tân Định (273) - Bình Hòa (273)	28/11	06:00	01/12	20:00	x	
6	220kV Tân Thành (272) - Vũng Tàu (273)	26/11	07:42	26/11	15:45	x	
7	220kV Mỹ Xuân (275) - Cát Lái (272)	25/11	06:00	28/11	21:00	x	
8	220kV TBA 500kV Long Thành (279) - An Phước (271)	25/11	04:00	02/12	23:00	x	
9	Trạm 220kV Mỹ Tho 2\C11 (Mỹ Tho 2)	23/11	07:12	23/11	17:18	x	
10	220kV Trảng Bàng (272)-Củ Chi (274)	23/11	06:34	23/11	17:41	x	
11	574 Pleiku2 - 572 Chơn Thành	23/11	06:32	23/11	15:10	x	
12	500kV Duyên Hải (571, 561) - Mỹ Tho (584, 564)	22/11	09:07	22/11	17:01	x	
13	220kV NMĐ Phú Mỹ (259, 282) - Tân Thành (274)	22/11	08:45	22/11	16:26	x	
14	220kV NMĐ Nhơn Trạch (271) - Nhà Bè (273)	22/11	06:45	22/11	15:29	x	
15	220kV Vĩnh Long (272) - Trà Vinh (274)	19/11	08:10	19/11	16:00	x	
16	500kV Phú Mỹ (575, 565) - Nhà Bè (577, 567)	18/11	07:44	18/11	19:10	x	
17	220kV Cao Lãnh (273) - Thốt Nốt (277)	18/11	06:45	18/11	14:55	x	
18	220kV Thủ Đức (272) - Hóc Môn (275)	17/11	18:01	18/11	09:05	x	
19	220kV Ô Môn 2 (274, 254) - Châu Thành HG (271)	17/11	08:00	17/11	16:28	x	
20	220kV Cao Lãnh (274) - Thốt Nốt (276)	17/11	06:46	17/11	15:34	x	
21	220kV NMĐ Cà Mau (284, 254) - Bạc Liêu (272)	17/11	06:00	18/11	17:00	x	

22	500kV Nhà Bè (585, 565) - Phú Lâm (576, 571)	14/11	07:30	14/11	18:35	x	
23	220kV NMĐ Cà Mau (275, 255) - Ô Môn 2 (283, 253)	14/11	07:09	14/11	15:35	x	
24	220kV NMĐ Cà Mau (272,252) - Ô Môn (273,253)	11/11	06:55	12/11	15:46	x	
25	220 kV NMĐ Cà Mau (286,256) - Rạch Giá (276) mạch 3	11/11	06:00	14/11	23:00	x	
26	220kV Bến Lức (273) - Long An (273)	10/11	09:50	10/11	14:27	x	
27	220kV NMĐ Cà Mau (274, 254) - Giá Rai (274)	10/11	06:14	11/11	17:14	x	
28	220kV Chơn Thành (273) - Bình Long (275)	09/11	07:00	09/11	16:44	x	
29	220kV NMĐ Trị An (272) - Bình Hòa (276)	09/11	06:54	09/11	17:34	x	
30	500kV Sông Mỹ (563, 583) - Tân Uyên (561, 571)	09/11	06:39	09/11	17:31	x	
31	220kV Tân Uyên (279) - Long Thành 500kV (275)	05/11	08:15	05/11	14:55	x	
32	220 kV Thốt Nốt (273) - Rạch Giá (271)	05/11	06:32	06/11	15:55	x	
33	220 kV NMĐ Cà Mau (276,256) - Rạch Giá (277) mạch 2	04/11	06:00	08/11	19:00	x	
34	220kV NMĐ Cà Mau (272,252) - Ô Môn (273,253)	01/11	07:00	02/11	17:00	x	
35	573 Sông Hậu - 571 Đức Hòa	01/11	06:00	03/11	18:00	x	
36	220kV Tân Định (279) - Mỹ Phước (274)	30/11	09:42	01/12	15:42	x	
37	220kV Thốt Nốt (275) - Long Xuyên (271)	30/11	06:32	06/12	17:32	x	
38	220kV Thốt Nốt (274) - Châu Đốc (272)	30/11	05:29	30/11	18:29	x	
39	500kV Duyên Hải - Mỹ Tho	29/11	06:18	29/11	18:00	x	
40	220kV NMĐ Phú Mỹ (259, 279) - Tân Thành (273)	27/11	08:33	27/11	15:45	x	
41	220kV Ô Môn 2 (276, 256) - Thốt Nốt (271)	27/11	08:33	27/11	14:33	x	
42	500kV Sông Mỹ (585, 565) - Tân Định (576)	27/11	06:51	29/11	02:31		x
43	500kV Duyên Hải (572, 562) - Mỹ Tho (583, 563)	27/11	05:42	27/11	17:23	x	
44	Trạm 220kV Hóc Môn\271	24/11	05:12	24/11	21:12	x	
45	500kV Duyên Hải (571, 561) - Mỹ Tho (584, 564)	21/11	06:00	21/11	20:00	x	
46	220kV Long Thành (278) - Phú Mỹ (253,284)	21/11	05:00	23/11	22:17	x	
47	220kV Rạch Giá (272) - Ô Môn 2 (279, 259)	20/11	06:00	24/11	00:05	x	
48	220kV Mỹ Phước (271) - Bến Cát (271)	16/11	07:49	16/11	16:48	x	
49	220kV Bàu Đồn (271) - Tây Ninh (272)	16/11	07:07	16/11	16:17	x	
50	Trạm 220kV Long Bình\179 (Long Bình)	16/11	06:00	16/11	23:55	x	
51	220kV Bình Hòa (272) - Thuận An	16/11	06:00	20/11	16:11	x	

	(274)						
52	220kV Thủ Đức (272) - Hóc Môn (275)	15/11	22:07	16/11	18:00	x	
53	500kV Nhơn Trạch 4 (571, 561) - Nhà Bè (576, 566)	13/11	10:06	14/11	19:41	x	
54	220kV Bình Chánh (275) - Phú Lâm (276)	08/11	06:21	09/11	17:47	x	
55	220kV Duyên Hải (273) - Trà Vinh (275)	07/11	06:30	09/11	17:46	x	
56	220kV Sông Mỹ (278) - Uyên Hưng (274)	06/11	21:31	07/11	05:00	x	
57	220kV Mỹ Xuân (276) - Cát Lái (271)	02/11	05:05	09/11	19:00	x	

3. Thống kê các thanh cái trong lưới điện truyền tải có điện áp không đạt tiêu chuẩn theo quy định

STT	Tên TBA	Số lần	Tổng số thời gian	Điện áp cao nhất	Điện áp thấp nhất
500kV					
1	Trạm 500kV Đức Hòa	6	6.00	527.2	
2	Trạm 500kV Hà Tĩnh	2	2.00	527.4	
3	Trạm 500kV Long Phú	52	52.00	529.6	
4	Trạm 500kV Ô Môn	11	11.00	528.9	
5	Trạm 500kV Phú Lâm	4	4.00	526.3	
6	Trạm 500kV Phú Mỹ	3	3.00	527.8	
7	Trạm 500kV Thanh Hóa	338	338.00	541.6	
8	Trạm 500kV Thạnh Mỹ	1	1.00	526.6	
9	Trạm 500kV Vũng Áng	42	42.00	530.5	
220kV					
1	Trạm 500kV Thanh Hóa	11	11.00	243.9	
2	Trạm 220kV Thái Nguyên	3	3.00		204.6

4. Độ tin cậy của lưới điện truyền tải

TT	Đơn vị	Sản lượng điện năng không cung cấp được (kWh)		Lũy kế năm 2025 (kWh)	Tăng, giảm so với tháng trước
		Tháng 11/2025	Tháng 10/2025		
1	EVNNPT	0	0	1,481,434	0

5. Tỷ lệ điện dùng để truyền tải từng cấp điện áp

Tỷ lệ điện dùng để truyền tải tháng 11/2025 theo cấp điện áp và theo từng Công ty Truyền tải điện so với cùng kỳ năm 2024:

Đơn vị		Tháng 11/2024			Tháng 11/2025			So sánh Δ^{25-24}				KH ΔA 2025 (%)	So sánh với KH2025
		SL (tỷ kWh)	ΔA (tỷ kWh)	ΔA (%)	SL (tỷ kWh)	ΔA (tỷ kWh)	ΔA (%)	SL (tỷ kWh)	SL (%)	ΔA (tỷ kWh)	ΔA (%)		
TTĐ1	Chung	117,23	2,93	2,50%	125,26	3,12	2,49%	8,03	6,85%	0,191	-0,01%	2,18%	0,31%
	500kV	54,08	1,20	2,22%	61,65	1,24	2,01%	7,57	13,99%	0,038	-0,21%	1,88%	0,13%
	220kV	122,68	1,73	1,41%	130,40	1,88	1,44%	7,72	6,29%	0,154	0,03%	1,24%	0,20%
TTĐ2	Chung	2,53	0,08	3,19%	3,50	0,12	3,47%	0,98	38,66%	0,041	0,28%	2,76%	0,71%
	500kV	1,58	0,04	2,23%	2,22	0,07	3,09%	0,64	40,34%	0,033	0,86%	2,85%	0,24%
	220kV	1,88	0,05	2,41%	2,39	0,05	2,23%	0,50	26,81%	0,008	-0,18%	1,63%	0,60%
TTĐ3	Chung	5,73	0,11	1,94%	6,69	0,16	2,39%	0,97	16,90%	0,049	0,45%	1,95%	0,44%
	500kV	4,36	0,06	1,40%	5,16	0,09	1,75%	0,80	18,25%	0,029	0,35%	1,36%	0,39%
	220kV	3,20	0,05	1,57%	4,13	0,07	1,69%	0,93	28,92%	0,020	0,12%	1,63%	0,06%
TTĐ4	Chung	9,35	0,11	1,13%	9,40	0,10	1,01%	0,06	0,60%	-0,011	-0,12%	1,10%	-0,09%
	500kV	5,93	0,03	0,59%	5,83	0,03	0,58%	-0,09	-1,57%	-0,001	-0,01%	0,58%	0,00%
	220kV	9,33	0,07	0,76%	9,37	0,06	0,65%	0,04	0,43%	-0,010	-0,11%	0,74%	-0,09%
NPT	Chung	20,08	0,49	2,42%	20,74	0,75	3,63%	0,66	3,28%	0,267	1,21%	2,40%	1,23%
	500kV	10,83	0,21	1,91%	11,10	0,41	3,65%	0,26	2,43%	0,198	1,74%	2,01%	1,64%
	220kV	23,48	0,28	1,19%	24,85	0,35	1,40%	1,37	5,83%	0,069	0,21%	1,19%	0,21%

6. Danh sách các sự cố dẫn tới vi phạm các tiêu chuẩn vận hành trong tháng

a. Sự cố lưới điện thuộc EVNNPT: không xảy ra sự cố dẫn tới vi phạm các tiêu chuẩn vận hành lưới điện truyền tải.

b. Sự cố do đơn vị ngoài EVNNPT quản lý vận hành: không xảy ra sự cố dẫn tới vi phạm các tiêu chuẩn vận hành lưới điện truyền tải.

V. TÌNH HÌNH KẾT NỐI SCADA

Trong tháng 11/2025 xảy ra 5 lỗi kết nối tín hiệu SCADA, giảm 01 lỗi kết nối so với tháng 10/2025.

- **Miền Bắc:** xảy ra 03 lỗi kết nối SCADA tại 02 trạm 220kV Bắc Giang, Việt Trì. Lỗi kết nối đã được kiểm tra và khắc phục.

- **Miền Trung:** xảy ra 01 lỗi kết nối SCADA tại 01 trạm 220kV Phước An. Lỗi kết nối đã được kiểm tra và khắc phục.

- **Miền Nam:** xảy ra 1 lỗi kết nối SCADA tại 01 trạm 220kV Bình Hòa. Lỗi kết nối đã được kiểm tra và khắc phục.

Đơn vị	Số lượng trạm mất kết nối SCADA	Số lượng trạm mất kết nối đã xử lý	Tăng giảm trạm mất kết nối so với tháng trước
Miền Bắc	3	3	2
Miền Trung	1	1	1
Miền Nam	1	1	-4
EVNNPT	5	5	-1

Ghi chú: Số liệu thống kê từ trang quản lý sự cố của EVN
<http://quanlysuc.evn.com.vn>